

SÁNG TẠO

THÁNG 5 - 1957

BIÊN KHẢO

TRẦN THANH HIỆP VÀI ĐIỂM GỢI Ý VỀ THƠ TỰ DO
DUY THANH NÓI VỀ HỘI HỌA
NGUYỄN SA VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC CĂN BẢN

SÁNG TÁC

TÔ KIỀU NGÂN VỀ MỘT ÁNH NẮNG
VĨNH LỘC MÁI NHÀ
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG NGƯỜI BỎ QUÊN
LÝ HOÀNG PHONG CON SÔNG

Thơ tự do của **THANH TÂM TUYỀN - NGUYỄN SA - CUNG
TRẦN TƯỜNG - TÔ THÙY YÊN**

VẤN ĐỀ VĂN HỌC

NGUYỄN SỸ TẾ Vấn đề phân chia thời đại và
khuyňh hướng văn học Việt Nam

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN ĐĂNG: PHÊ BÌNH XÁC LÁ RỪNG THU Thơ *DIÊN NGHỊ*
. TRƯỜNG GIANG: TRANH ÁP PHÍCH VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG
CHUNG QUANH CUỘC ĐỜI VAN GOHG - TRIỂN LÃM PICAS-
SO. HẦU ANH: NHÀ VĂN HERVE1 BAZIN VÀ MỘT TRIỆU QUAN
- ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH LẦN THỨ 18 TẠI VENISE. - THANH NAM:
MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ U-HOÀI CỦA ĐOẢN QUỐC SỸ.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 8
tháng năm - 1957

**trần thanh hiệp - thanh tâm
tuyền - duy thanh - lý hoàng
phong - nguyên sỹ tế - tô thù
yên - người sông thương - tô
kiều ngân - nguyên sa**

sáng tạo số 8

tháng 5 - 1957

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: ***Muon Phuong***
nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 8
tháng 5 - 1957

NỘI DUNG SỔ NÀY

	Trang
VẤN ĐỀ PHÂN CHIA THỜI ĐẠI VÀ KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC VIỆT NAM NGUYỄN SỸ TẾ	9
TÔI SẼ BỎ ĐI RẤT XA NGUYỄN SA	28
ĐÀ GIANG CUNG TRÂM TƯỜNG	30
TÔI LÊN TIẾNG TÔ THÙY YÊN	32
VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC CĂN BẢN NGUYỄN SA	34
CON SÔNG LÝ HOÀNG PHONG	49
MÁI NHÀ VĨNH LỘC	75
NÓI VỀ HỘI HỌA DUY THANH	89
NGƯỜI BỎ QUÊN NGƯỜI SÔNG THƯƠNG	102
VÀI ĐIỂM GỢI Ý VỀ THƠ TỰ DO TRẦN THANH HIỆP	121
BÀI NGỢI CA TÌNH YÊU THANH TÂM TUYẾN	139
VỀ MỘT ÁNH NẮNG TÔ KIỀU NGÂN	144

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN ĐĂNG: PHÊ BÌNH XÁC LÁ RỪNG THU Thơ DIỄN NGHỊ (trang 153). **TRƯỜNG GIANG:** TRANH ÁP PHÍCH VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG - CHUNG QUANH CUỘC ĐỜI VAN GOHGH (trang 157) TRIỂN LÃM PI-CASSO (trang 158). **THANH NAM:** MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ U-HOÀI của DOÃN QUỐC SỸ (trang 159). **HẦU ANH:** NHÀ VĂN HERVÉ BAZIN và MỘT TRIỆU QUAN - ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH LẦN THỨ 18 TẠI VENISE (trang 165)

o O o

SÁNG TẠO ĐÓNG THÀNH TẬP

Thế theo lời của một số bạn đọc chưa kịp mua từ số đầu hoặc không có đủ bộ, SÁNG TẠO từ số 1 đến số 6 sẽ đóng thành tập - bìa cứng, trình bày mỹ thuật và sẽ phát hành khắp nơi vào đầu tháng 5-1957. Dày 400 trang. Giá đặc biệt: 30\$.

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO
Tiền nong và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN – TRỊ SỰ:
133B, Ký Con – SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng

VẤN ĐỀ PHÂN CHIA THỜI ĐẠI VÀ KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC VIỆT NAM

NGUYỄN SỸ TẾ

Một trong những vấn đề căn bản cần phải giải quyết ngay khi nhập môn Văn học sử là vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng văn học. Ở nước nhà đã có một vài cuốn văn học sử có những nỗ lực đáng kể để giải quyết vấn đề. Tỉ dụ sách « Văn học sử yếu » của giáo sư Dương Quảng Hàm:

— Văn học sử Việt Nam được chia ra làm năm thời đại: Lý – Trần (thế kỷ 11 – 14), Lê – Mạc (thế kỷ 15 – 16), Nam – Bắc phân tranh (thế kỷ 17 – 18), Nguyễn (thế kỷ 19) và Hiện đại (thế kỷ 19 – 20).

— Khuynh-hướng văn chương triều Nguyễn được phân định: đạo lý, chủ nghĩa quốc gia, tình cảm, trào phúng. Sau đó một vài nhà soạn sách theo gương thêm vào mấy khuynh hướng: thời thế, tranh luận, tuyên truyền, ái quốc...

Dẫu sao ta vẫn phải nhận rằng lối phân chia đó chưa được thỏa đáng. Cách chia thời đại đã tỏ ra quá nặng về triều đại lịch sử, không làm nổi rõ hướng tiến hóa của tư tưởng Việt Nam, lướt hơi mau qua nền văn học triều Tây Sơn, chưa trình bày đầy đủ chỗ chuyển hướng giữa văn học triều Nguyễn và văn học hiện đại. Nguy hại hơn là cách phân khuynh hướng; không có tiêu chuẩn rõ ràng, nhiều khi danh từ khuynh hướng lại được hiểu theo nghĩa một « loại » văn thơ hơn là một « môn phái chưa thành tựu » như « khuynh hướng tình cảm », « khuynh hướng trào phúng ».

Văn học sử Pháp cũng được chia ra làm thời đại tương ứng đại để với các thế-kỷ: 16 (phục hưng), 17 (cổ điển), 18 (triết học), 19 (lãng mạn)... Sau đó là sự phân chia ra làm môn phái, khuynh hướng hằn hoi (écoles, tendances): cổ điển, lãng mạn, tượng trưng, hiện thực, siêu hiện thực, tân cổ điển... Ngoài ra lại còn có sự phân chia thành bộ môn, thành loại: thi ca, tiểu thuyết, sân khấu, lịch sử, phê bình, khoa học, mỹ nghệ...

Trong tinh thần khoa học của môn học, vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng văn học là vấn đề không thể tránh được.

Bài viết này chưa có tham vọng giải quyết vấn đề. Chỉ xin đưa ra hướng giải quyết, những khó khăn gặp phải, những dè dặt cần có, những điều kiện của một giải pháp thích đáng.

Thực ra vấn đề phân chia thời đại và vấn đề phân chia khuynh hướng liên hệ mật thiết với nhau, vấn đề thứ hai có thể coi như một trong những điểm tựa để giải quyết vấn đề thứ nhất.

Làm thế nào để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học? Căn cứ vào đâu để làm cái công việc tế nhị đó? Sau đây, trước khi phối hợp nền tảng, chúng ta hãy lần lượt xét hai điểm tựa chính thường dùng.

I – ĐIỂM TỰA LỊCH SỬ

Trước hết người ta có thể căn cứ vào lịch sử quốc gia để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học, nhất là thời đại. Đây là một trong những điểm tựa quan trọng có một công dụng phổ biến. Lịch sử bao giờ cũng ảnh hưởng tới văn học. Mỗi thời đại, mỗi triều đại lịch sử có một cá tính riêng biểu hiện ít hay nhiều, rõ hay mờ trong văn học.

Tuy nhiên sử dụng điểm tựa này trong văn học sử Việt Nam, chúng ta cần phải nhận biết những khuyết điểm của điểm tựa và những thận trọng cần có:

1 – Dân tộc Việt Nam, cũng như phần đông các dân tộc Đông phương, là những người hiếu tĩnh, ít nhiều duy tâm, có một thần trí và hồn

tính điều hòa, vững chắc, một lối sống trầm mặc. Do đó: lịch sử chỉ ảnh hưởng một phần nào tới văn học mà thôi. Nói khác đi: văn chương không phải là phản ảnh trung thành của lịch sử. Nói khác đi nữa: người Việt Nam có một lối cảm nghĩ giữ một dòng chảy riêng bên dòng chung với lịch sử. Hơn nữa, bản nhiên trong lịch sử những cuộc cách mạng chính trị, xã hội, kinh tế xưa kia vốn đã hầu như không có, thì nói tới cách mạng văn học lại càng gượng ép hơn nữa (trừ một phần nào lịch sử và văn học đời Tây Sơn).

Để làm sáng tỏ vấn đề hơn nữa, ta hãy so sánh Đông phương với Tây phương. Người Tây phương là những người hiếu động, ít nhiều duy vật, có một lối sống sốt nổi. Do đó lịch sử đã ảnh hưởng rất nhiều tới văn học của họ. Trong lịch sử có những cuộc cách mạng sôi nổi, thì trong văn học cũng có những thay đổi chủ trương âm ỉ không kém với những cuộc bút chiến, khẩu chiến, những bản tuyên ngôn và bao hình thức biểu lộ khác. Tỉ dụ ở nước Pháp: các cuộc cách mạng lịch sử 1789, 1830, 1848..., cách mạng văn

học từ cổ điển sang triết học (thế kỷ 17 – 18), từ triết học qua lãng mạn (thế kỷ 18 – 19), từ lãng mạn qua tượng trưng (cuối thế kỷ 19)... những cuộc biến chuyển đó khích động lẫn nhau thật là mạnh mẽ.

Vậy thì, trở về Văn học sử Việt Nam, nếu dựa vào lịch sử để phân chia thời đại văn học, ta nên có điều dè dặt là: *xưa kia không có những chỗ biên cách quá bạo tàn giữa những thời đại văn học.*

2 – Do vị trí địa dư đặc biệt của quốc gia là một giải đất nghèo hẹp, kẹt giữa hai quốc gia rộng lớn và giàu mạnh Trung Hoa và Ấn Độ, lịch sử Việt Nam là lịch sử của một dân tộc nỗ lực tranh đấu miên tục với điều kiện thiên nhiên ngặt nghèo, với bao hiểm họa xâm lăng và đồng hóa, để mà tồn tại. Lịch sử Văn học Việt Nam nên khai thác mạnh theo hướng trên. Dưới những góc cạnh nào đó, *trên căn bản dân tộc lịch sử văn học, và rộng ra lịch sử văn hóa, Việt Nam có thể coi là lịch sử của những đấu tranh để đồng hóa văn học ngoại lai, thoát ly khỏi ảnh hưởng của Hán học, xây dựng một nền Việt học trước khi lại sa vào*

một gông xích mới: Pháp học. Tỉ dụ, trong những thời đại gần đây: Ảnh hưởng của Hán học hãy còn quá nặng trong Chinh phụ Ngâm, Cung oán ngâm khúc (hậu bán thế kỷ 18); nỗ lực gây dựng văn học quốc gia dưới triều Tây Sơn (cuối thế kỷ 18); sắc thái Việt Nam trong các tác phẩm của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương... Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương (thế kỷ 19); nền Pháp học (thế kỷ 20).

Cho nên, nói lạm trước về điểm tựa văn học, ta nên nhận rằng: lịch sử văn học không thể đơn thuần nhận ở lịch sử của Khổng học, mà phải cả ở lịch sử của Tam giáo; hơn nữa, không phải chỉ ở lịch sử của Tam giáo nguyên thủy ở Việt Nam mà ở lịch sử đồng hóa và thống nhất hóa Tam giáo đó.

3 – Một trong những khó khăn cho người dùng điểm tựa lịch sử là cái tình trạng thiếu sót và lỗi lầm của các pho sử cũ. Những pho sử này thường đã chỉ chép chuyện vua chúa, truyện triều đình. Thành ra lịch sử dân tộc phần lớn đã chỉ rút về lịch sử các triều đại. Người đọc không

được cho hay biết đầy đủ và rõ ràng về tình trạng sinh hoạt tinh thần cũng như vật chất của dân chúng trong nước. Đành rằng văn học là công gây dựng phần lớn của giới sĩ phu, nhưng trong giới sĩ phu không phải là thiếu người đã vui hòa đồng với bình dân, giữ lối nghĩ và sống độc lập, tách rời khỏi triều đình của một ngai vàng. Hơn nữa còn có cả một nền văn chương bình dân phong phú, (của người bình dân và của cả người trí thức) cần phải chú trọng tới nữa... Vậy thì với tất cả những phương tiện do khoa học mới cung cấp (xã hội học, kinh tế học, tâm lý học, niên đại học...) người viết văn học sử dùng điểm tựa lịch sử phải *cố gắng đạt tới một sự hiểu biết toan diện và chân xác về lịch sử dân tộc* (phương pháp viết sử theo lối khoa học).

Chúng ta có thể đưa ra nhiều nhận xét khác về lịch sử dân tộc trong mối tương quan của nó với lịch sử văn học, một dân tộc nông nghiệp chẳng hạn. Tuy nhiên, để kết luận đoạn này, những ghi nhận đại cương trên kia cũng cho phép ta nói rằng:

— Lịch sử Việt Nam, có một bản chất, một hướng tiến và một tương quan với văn học cá biệt không giống một lịch sử nào khác;

— Người ta không thể chỉ đơn thuần lấy những sự kiện lịch sử, cụ thể hóa lấy chính trị, xã hội, kinh tế để giải thích, để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam.

II — ĐIỂM TỰA VĂN HỌC

Người ta lại có thể nghĩ tới điểm tựa thứ hai là văn học, nhất là khi mà lịch sử vốn đã không ảnh hưởng quá nặng tới văn học lại ở trong một tình trạng thiếu sót về tài liệu nói trên. Như vậy lấy ngay chính những tài liệu văn học còn lại để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học, nhất là khuynh hướng văn học, người viết văn học sử phải làm một công cuộc lớn lao là thu thập, chọn lựa, nghiên cứu, phân tích, quy xếp... đủ mọi loại tài liệu văn học: các sách được viết ra, các bi ký dựng nên, những điều còn truyền tụng. Đây không phải chỉ là một phương pháp đơn thuần phân tích và chú giải (méthode ex-

égétique) mà là một phương pháp khoa học và toàn diện hẳn hoi. Đây là một công việc phức tạp và tế nhị mà chỉ có sự chiêm nghiệm và thực hành lâu dài mới có thể đưa ta đạt tới.

Cũng như về lịch sử, sử dụng điểm tựa phức tạp này, chúng ta cần phải nhận biết những nhược điểm của nó và những thận trọng cần có.

1 — Trước hết cần phải xác định rõ đối tượng của môn học. Kể ra vấn đề cũng đã cũ, thế mà nhiều soạn giả vẫn cứ vô tình hay hữu ý coi nhẹ. Ai nấy đều thừa hiểu rằng danh từ « văn học » của ta có một nghĩa rộng hơn là chữ « littérature » của Pháp, và tất nhiên là rộng hơn « văn chương », mặc dầu văn chương là thành phần chính yếu của văn học: *không những ta phải cứu xét lịch trình tiến hóa của văn chương, mà còn phải cứu xét lịch trình tiến hóa của học thuật, của tư tưởng Việt Nam.*

Về điểm này, chúng ta phải ca ngợi những cố gắng lớn lao (tôi không nói chuyện phương pháp) của giáo sư Dương Quảng Hàm. Cuốn

sách của ông đúng là một cuốn « văn học sử » vì trong đó ông đã nỗ lực cho ta thấy khá nhiều điều khác hơn là văn chương: những ảnh hưởng chịu đựng, việc học việc thi, các thể văn, Hán văn, các pho sử ký, địa chỉ... Trong khi đó, cuốn sách của các ông Nguyễn Tường Phượng và Bùi Hữu Sùng nhan là « Văn học sử Việt Nam tiền, hậu bán thế kỷ XIX » thật quá sơ sài, lệch lạc. Ngoài một cái « khái quát » và « tổng kết » quá giản dị ra, cuốn sách chỉ rút về việc cứu xét các tác giả xếp đặt theo một cái thứ tự cực kỳ vô đoán. Một cuốn sách như thế mệnh danh là « văn chương sử » cũng quá đáng rồi. Lẽ ra chỉ nên gọi là « Tác giả tiền, bán thế kỷ XIX »

Vậy thì để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam, *người ta phải dựa vào một căn cứ rộng rãi, đầy đủ hơn là các tác phẩm văn chương, các bài thơ văn còn lại.*

2 — Sự dè dặt trên đã được tôn trọng rồi, ta còn phải lưu tâm tới một số đặc tính của nền Văn học Việt Nam.

Trong mối tương quan lịch sử Văn học đề cập trong phần I, chúng ta đã có dịp nhận xét rằng văn học Việt Nam xưa tiến hóa rất chậm chạp, không có những đột biến, những cải cách bạo tàn. Mẫu người Việt Nam là một « tiểu triết nhân » tự nhiên và bình dị. Triết học Đông phương thường là thứ triết học có tính cách phổ biến để thể hiện ngay trong cuộc sống chứ không « thuần lý » như ở Tây phương. (Xem: *Vấn đề định nghĩa Triết học – Trần Thanh Hiệp – Sáng Tạo số 7 – tháng Tư 1957*). Người Việt Nam nghèo, sống giữa lòng thiên nhiên vốn đã ưa chiêm nghiệm vũ trụ và tìm ra được những định lệ cần thiết cho sinh hoạt của họ. Con người bình dân vô học nhất do truyền tụng, do nhập tâm, do tình cảm, do trực giác... vẫn đã hiểu và đã thực hành được ít nhiều điều giảng dạy của thánh hiền. Xã hội Việt Nam, do hoàn cảnh và truyền thống, là một xã hội nhỏ bé, một đoàn thể chặt chẽ, đồng tâm hiệp lực, rất thương, yêu và tin nhau trong chuỗi dây đau nhức đã rất đậm đà dọc theo dòng lịch sử của nó. Cho nên, sau khi đã trở lại điểm tựa lịch sử một phần nào ở

đây, chúng ta phải nhận rằng: văn học, và nhất là văn chương Việt Nam, thường mang một số tính chất cố hữu, khác hẳn với thứ văn học luôn luôn biến động của Tây phương.

Từ muôn xưa, người Việt Nam vẫn tha thiết với Gia đình, nặng lòng với Quê hương, hy sinh cho Tổ quốc, tôn thờ Quá khứ. (Riêng tình mẫu tử Việt Nam há đã chẳng để lại một nền văn chương phong phú và thấm thiết vào bậc nhất trong thế giới sao?) Khác với văn học Pháp, văn học Việt Nam không bao giờ ly khai với thiên nhiên, không bao giờ chối bỏ « bản ngã xấu xa », lúc nào cũng ưa trữ tình, đạo lý, trào phúng. (Xem: *Khuynh hướng siêu thoát trong văn học Việt-Nam*, Sáng Tạo số 6, tháng Ba, 1957 – *Hệ thống trào phúng của Trần Tế Xương*, Sáng Tạo số 7, tháng Tư, 1957 và văn thơ của các tác giả: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến...)

Thậm chí cả đến bộ mặt của thôn quê Việt Nam cũng không mấy đổi thay qua hàng bao nhiêu thế kỷ dài. (Xem và so sánh *Thơ nômi đời*

Hồng Đức, thế kỷ 15 với thơ văn của Nguyễn Khuyến thế kỷ 19: Người ăn mày, Con chó đá, Bùn nhin, Nguyệt, Canh một, Hạ thử... với Làm ruộng, Lụt năm Ất-Tỵ, Cảnh lụt, Vào hè, Đêm mùa hạ, Thu ẩm, Thu điều, Thu vịnh). Điều này có thể giải thích được phần lớn bằng những điều sau này: Người Việt-Nam bao giờ cũng yêu ruộng đồng; đô thị Việt-Nam vốn hiếm; nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế nông nghiệp thô sơ dựa trên những phương pháp cổ truyền hầu như bất di bất dịch. Trong một nền kinh tế không mấy đổi thay, người Việt Nam lại nặng lòng quá khứ, làm sao mà bộ mặt nông thôn đổi thay được?

Riêng về lãnh vực khuynh hướng, còn một nhận xét cần lưu ý là: Văn học Việt Nam không đơn thuần mà trái lại rất phức tạp sau cái bề ngoài tưởng là bình dị của nó; các tác giả Việt Nam không câu nệ ở riêng trong một học thuyết, một khuynh hướng tư tưởng hay nghệ thuật nào mà trái lại nhiều khi cùng một lúc theo nhiều khuynh hướng, viết nhiều loại khác nhau. Một tỉ dụ nhỏ: Nguyễn Khuyến vừa tình cảm, vừa đạo

lý, vừa trào phúng. Cho nên không thể nhất đán phân chia chung làm một số khuynh hướng và gán ghép các tác giả một lần cho chót vào một nhãn hiệu cố định như đạo lý, tình cảm hay trào phúng được. Giả định rằng lối phân chia đã hợp lý, tiêu chuẩn nêu lên đã xác đáng rồi, tại sao ta lại ngại ngần đặt một tác giả lần lượt vào nhiều khuynh hướng khác nhau bên cạnh những tác giả khác, theo thứ tự thời gian? – Nếu lối phân chia khuynh hướng không được minh bạch, thì âu là sử dụng cái thứ tự thời gian mà xếp tác giả hết vị này đến vị khác, rồi trong mỗi vị sẽ đề cập lần lượt tới các khuynh hướng của vị đó theo thứ tự trọng đại nhiều tới trọng đại kém!

Kể ra còn khá nhiều điều nữa về đặc tính của văn học Việt Nam. Chúng ta đã từng thấy những luận đề rất quen thuộc được khai thác trong thi văn cổ kim nước nhà. Cho nên để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam, *người ta phải chú trọng tới những tính chất cố hữu của nó, nhất là không nên nhập cảng trắng trợn cái kỹ thuật bình luận văn học của Tây phương.*

3- Sau nữa cũng nên nêu ra tình trạng thiếu sót và lệch lạc của các tài liệu văn học. Văn chương bình luận xưa hầu như không có, trừ một vài cuốn sao lục văn thơ và chép chuyện văn nhân như: Thiên nam dư hạ tập của Lê Thánh Tôn, Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ, Tang thương ngẫu lục của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án... Văn học sử là một môn học mới. Báo chí xưa không có. Các sách còn lại thì tam sao thất bản, không biết rõ của tác giả, thuộc về thời đại nào. Người viết sử như trên kia đã nói, không chú trọng tới người văn học mấy. Nhiều khi những điều ghi nhận về văn học, nhất là về văn chương, thường cũng chỉ dựa vào tập truyền mà thôi. Hơn nữa vì có này hay có khác, mà trong đó chúng ta phải kể sự không muốn phô danh, một số các tác giả xưa không nghĩ tới việc để lại tên tuổi và phổ biến rộng rãi các tác phẩm của họ, nghĩ rằng thú văn chương chia sẻ giữa đôi ba tâm hữu cũng đủ rồi. Lại một phen chúng ta phải vận dụng những khả năng của khoa học mới, như trong môn sử học, để nhận biết và phân định tài liệu văn học. Đây

chính là cái thứ mà Tây phương gọi là « Bác học mới » (érudition moderne) nó giúp cho người ta luôn luôn khám phá và đổi mới ngay trong cả các khoa nhân sự học.

Để kết luận từng phần:

— Văn học Việt Nam có một bản chất và hướng tiến riêng không giống một nền văn học nào khác;

— Người ta không thể dùng một vài định lý đơn thuần, dựa vào một vài sự kiện hay nhận xét rời rạc mà phân chia một cách máy móc các thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam.



Chúng ta vừa lần lượt nhận biết hai điểm tựa chính để phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam với những ưu khuyết điểm của chúng, hướng cần phải theo, sai lạc đã xảy ra và thận trọng cần có.

Hiển nhiên là: chúng ta không thể đơn thuần dùng nhất đán một điểm tựa nào, mà phải tìm một phối hợp hai nền tảng sao cho linh động và thỏa đáng. Trong văn học hãy xin hết sức *trầm tĩnh, toàn diện và tế nhị*.

Công việc quả là phức tạp và khó khăn — kể cả những khó khăn vật chất do sự thiếu sót và lệch lạc của tài liệu. Nhưng nghĩ rằng có đi thì mới đến, người yêu văn học chắc không ngại ngần bắt tay vào việc.

Nếu ta nhận rằng chỉ trong vòng chia từ thế kỷ phân lớn các lý thuyết, học thuyết đã trở nên bất hợp thời thì những lỗi lầm nông cạn của chúng ta so với người đến sau cũng là chuyện thường vậy.

Tôi mới chỉ đặt lại vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam. Để tạm chia tay độc giả xin nói câu chuyện một việc làm của Cao Bá Nhạ:

Thế thì trong « Tự tình khúc », Cao Bá Nha hầu như không mang lại cho tư tưởng Việt Nam điều gì mới mẻ cả. Những quan niệm về « hiếu, trung, kính » của ông hầu như chưa thoát được cái khuôn khổ cũ. Nhưng mà, viết lên mối oan khiên của chính mình, mặc nhiên ông đã đặt ra được hai vấn đề cần thiết đòi hỏi giải quyết: cần phải đặt lại vấn đề trách nhiệm của con người trong xã hội; cần phải thích nghi hệ thống tư tưởng cũ với hoàn cảnh lịch sử và xã hội. Giá trị tư tưởng của khúc ca là ở chỗ đó.

NGUYỄN SỸ TẾ

TÔI SẼ BỎ ĐI RẤT XA

*Tôi sẽ bỏ đi rất xa thành phố
Có những bờ hè
Và những người gặp nhau một buổi sáng thứ hai
Không cười với nhau một lần
Không nói với nhau lấy một câu
Người con gái áo tím đã trả lời: không có thì giờ*

*Phải người con gái đã trả lời: không có thì giờ
Và tôi không dám góp ý kiến
Vào chuyện người ta
Nhưng lòng tôi thầm hỏi
Như một người bơ vơ
Hỏi một người bơ vơ:
Có những người yêu nhau không có thì giờ
Chim lấy đâu mà về tổ
Tôi lấy đâu mà làm thơ
Em lấy đâu mà đọc những bài thơ sắp viết.*

*Phải, tôi sẽ bỏ đi rất xa thành phố
 Nếu chúng mình không có thì giờ
 (Dù trong một buổi sáng thứ hai...)
 Để nói với nhau một lời
 Để cười với nhau một phút
 Mà chỉ nhìn nhau xa cách như hành tinh
 Để những bàn tay lạnh tê bên hè phố.*

*Tôi sẽ bỏ đi, bỏ đi rất xa
 Đến một ngôi nhà mở toang hết cửa
 Hay kéo dài thời gian
 Bắt chủ nhật làm thứ tám
 Thứ hai thành chủ nhật
 Và vứt bỏ những ngày dĩ vãng thứ hai.*

ĐÀ GIANG

*Đà giang Đà giang
Rừng núi cảnh hoang mang
Chiều chiều xóm tối,
Thú về thăm ngang tàng*

*Hỡi anh da vàng,
Vàng màu vàng ệnh!
Anh có nghe vang
Con sông hùng vĩ
Tự bao thế kỷ!
Sông ơi, chảy mấy dặm đường?
Tự đâu sông xuống yêu thương đồng bằng?*

*Ta là cô lữ
Xuôi trên sông Đà
Chiều vui Tu Vũ,
Sớm sầu Sơn La,
Ta về nghỉ bến Trung Hà,
Ngồi nghe cô lái mận mà kể duyên
Mai đây ta lại thuê thuyền,
Chèo vô sông Nhị, xuôi miền biển khơi.*

Hồ hỡi hồ ơi...

Con sông rừng rú

Truyện đời lính thú

Đổ về tâm sự nước Hồng phì nhiêu.

Như từ muôn thuở thương yêu,

Ta ngồi thông cảm buổi chiều tràng giang.

Sông ơi, bạn: những cồn hoang

Chị khôn: phố phủ, em ngoan: bản rừng

Tình ta lũng xóm mịt mù

Đi hui quán nhỏ, chập chùng núi cao.

Quê ta xứ Thái,

Ngõ hút đèo nhô,

Buồn tên e ngại

Vó sắt ngựa thồ.

Ôi! cái đời bản phủ lao phu,

Mồ hôi nước mắt đổ bù giếng khan.

Nhưng dù vạn khổ nghìn nan,

Quê hương nhất chí, giang san chung tình,

(Trích tập Bản Thồ)

CUNG TRẦM TƯỞNG

TÔI LÊN TIẾNG

Hãy ra nhìn máu chảy ngoài đường

PABLO NERUDA

Tôi gặt đầu trước mặt ái tình

Như một loài cỏ ngoan vâng lời gió dạy

Kìa máu chảy ngoài đường

Kìa máu chảy

Tôi ra giữa công trường cất tiếng kêu oan

Nhân loại nguyền thơ đời đời chịu tội

Sắt đỏ cày nhãn trán mịn màng

Lúa đầy đồng người gặt thiếu ăn

Chúng nó đòi thủ tiêu thi sĩ

Tôi là thi sĩ tôi yêu

Chúng ta góp tay đẩy đời đi tròn
Hồi những người chỉ dám khóc trong giấc mơ
Tôi đáp lời bình minh tuổi trẻ
Được nhìn mặt trời sung sướng thay
Chúng ta cười trên môi bằng hữu
Trong mỗi bài thơ phải có những danh từ
Cách mạng hòa bình tự do nhân đạo
Nguồn ở đây thì biển cũng gần
Chúng ta yếu hèn chúng ta thắng trận
Tôi chào mừng thế kỷ ra giêng
Buổi chiều đỏ
Không khí đầy hơi thở khó khăn
Chúng nó hành hình thủ tiêu ám sát
Tôi là một người là một đám đông.

TÔ THUY YÊN

VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC CĂN BẢN

NGUYỄN SA

Những vấn đề triết học được đề cập tới trong lịch sử tư tưởng loài người đã làm cho ta ngạc nhiên, ngỡ ngàng không phải là ít. Chúng ta ngạc nhiên, ngỡ ngàng trước số lượng cũng như trước sự phức tạp mỗi ngày một biến thiên, một gấp khúc của những vấn đề.

Người ta đã suy nghĩ về đời sống, về con người và cả đến những sự kiện bao quanh con người, muôn vật trong hoàn vũ.

Và chạm với vật giới người ta đã ngạc nhiên như đứa trẻ ngạc nhiên trước tiếng trống, tiếng kèn, con ong, cái kiến rồi người ta bước dần sang

con đường dò hỏi về sự hiện hữu của vũ trụ. Đám mây vẫn bay, dòng sông vẫn luân lưu, dòng nước vẫn lưu thông dù có ta hay không có ta hay tất cả chỉ là những hình ảnh giả tạo? Lửa đốt cháy tay, mua làm ướt áo là những sự kiện có thực, chắc chắn và ta là một nhân chứng hay ta đang sống trong tình cảm của một kẻ mơ ngủ bên nồi kê, không biết ta là bướm hay bướm là ta, tất cả chỉ là bóng sự thực bởi vì ta bị giam cầm từ trứng nước trong một « hang kín » bịt bùng? Vũ trụ là một thực thể hay những điều chính xác chỉ là tư tưởng?

Rồi những người suy nghĩ còn ngạc nhiên trước sự suy tư của mình, ngạc nhiên trước cái khả năng đặc biệt của mình làm cho mình khác biệt với muôn loài trong vũ trụ. Tại sao ta suy nghĩ? Tại vì ta có một linh hồn hay tư tưởng của ta vốn chỉ là trò chơi của một cuộc pha trộn, dao động giữa trăm nghìn nguyên tử nhỏ bé li ti? Nếu có một linh hồn thì hồn có chỉ huy xác không? Ta có tự do không? Tất cả những tương quan giữa xác và hồn ta phải xác định ra sao?

Nghĩ về vật, nghĩ về mình, ta sẽ dò hỏi đến nguồn gốc loài người (ai sinh ra ta), đến lẽ luân lưu, điều trật tự sinh hóa, đổi thay, tuần tự của muôn loài.

Có những lúc những câu hỏi đó được nêu ra lẻ loi, từng lần riêng biệt. Như trong những bài học thực hành, những câu chuyện dạy răn của những bậc thầy Châu Á. Cũng có lúc những câu hỏi đó được nối liền buộc chặt thành những hệ thống, xây dựng thành lâu đài đồ sộ. Đó là những tham vọng của những Aristote, St Thomas d'Aquin, Hegel ở trời Tây.

Cũng có lúc con người ngừng suy nghĩ, tìm hiểu, dò hỏi hay nói cho đúng hơn muốn ngừng dò hỏi để dò hỏi về giá trị của những lời dò hỏi của mình, giá trị hiểu biết của con người, biên giới của trí năng. Một Lão Tử đã phủ nhận khả năng quy định thế nào là Đạo. Một Kant phủ nhận giá trị của siêu hình học (mặc dầu đó cũng là một thái độ, một cố gắng siêu hình). Phủ nhận khả năng hiểu biết của con người trước những phạm vi ở bên ngoài, ở bên kia hiện tượng, phạm

vi của ấn tượng (noumène). Có những người đã muốn ý thức về ý thức của con người, để tìm một lối thoát dù đó là một luân lý thực hành của Kant, dù đó là một ngõ « vô vi » của Lão, một suy tư đơn độc của Kierkegaard. Cũng có những người đã bị quan đến nỗi biến trạng thái tâm hồn đó thành một chủ nghĩa. Đặt vấn đề? Vô ích! Tìm hiểu vô ích! Bởi vì sự thật ta sẽ không bao giờ đạt tới. Muốn đi tìm sự thật ít ra ta cần phải phân biệt được cái đúng và cái sai. Làm thế nào phân biệt được sự chính xác và sự sai lầm bởi vì muốn phân biệt ta cần phải có một mẫu chốt nào để nhận rõ cái đúng là đúng, sai là sai. Ta biết lấy gì làm tiêu chuẩn cho sự thật?



Có những vấn đề trước sự đổi thay của thời gian, biến thiên của lịch sử đã mất lý do sinh tồn. Người của thế kỷ 20 không còn nghi ngờ, dò hỏi về sự hiện hữu của bản thân. Nhà triết học không còn ngờ vực « có ta hay không có ta ». Cũng như toàn thể loài người, nhà triết học muốn sinh sống, muốn suy nghĩ cần phải ăn, phải ngủ, phải

giải quyết một cách tối thiểu những đòi hỏi căn bản của đời sống. Thể xác không phải là một cái bóng, một ảo ảnh, một lớp khói bên nổi kê và cũng không phải chỉ là một « con thuyền mà linh hồn là người phi tiêu dẫn đạo ». Nếu có nhiều lúc những tình cảm phát xuất từ vật chất đã bị chế ngự bởi ảnh hưởng của những lý tưởng cao xa thì cũng lắm khi khối óc, con tim đã phải sống liên đới với chân, tay, dạ dày, gan, ruột. Khi người ta đói thì không những tâm thần không còn được sáng khoái, tình cảm không được vững vàng mà đến cả « đầu gối cũng phải bò ». Những nhà tư tưởng dù họ chuyên khảo về tâm lý như Piaget hay về siêu hình như G. Marcel, J.P. Sartre... cũng đã nhắc đến dưới những hình thức khác nhau điều mà ta có thể gọi là « hoàn cảnh có thể » đó. Những sự thật tầm thường, giản dị không còn bị coi như những sự kiện bỉ ổi, sai lầm.

Những sự kiện tầm thường, quen thuộc đó dù chúng là cơ thể, là miếng cơm, manh áo, nét mặt, màu da, giai cấp, giống nòi, đời sống trăm năm, dù là những hoàn cảnh vật chất hay tinh

thần, xã hội, cá nhân người ta đều phải nhận rằng không thể nhất nhất gạt bỏ bằng một nét bút, bằng những lời trần thuyết hùng hồn. Nhà triết học còn phải nhận rằng mọi suy tư phải bắt nguồn từ những hoàn cảnh riêng tư đó. Hoàn cảnh của con người bị đe dọa bởi chiến tranh, chết chóc bị giới hạn bởi thời gian, bởi bạo lực, bởi tình yêu... (thí dụ tư tưởng và đời sống Kierkegaard).

Chấp nhận những sự kiện tầm thường đó người ta cũng gạt bỏ được một số tình cảm ít hay nhiều nặng màu sắc tự kỷ trung tâm. (égo-centrisme). Con người ngày nay biết rằng mình sống trong một hoàn cảnh nào đó nên không còn kể mình như một thực thể đặc biệt trong vũ trụ, không gian. Người không được đặt trước vũ trụ như một sự kiện đối lập, riêng rẽ, không quen biết, dính líu, liên can như một điều siêu việt, « một nước trong một quốc gia ». Triết học đã trả hoa về vườn, người về giữa lòng vũ trụ.

Nhưng giữa những vấn đề đổi thay có những vấn đề còn nguyên vẹn. Bên những vấn đề đã biến chuyển còn những vấn đề giữ hầu như trọn vẹn hình thể lúc ban sơ.

Người xưa đã suy nghĩ lung lao, đã lo âu vô hạn trước những biến chuyển của mọi vật trong vũ trụ, cõi đời. Nhìn quanh mình con người dù Hy Lạp, dù Á đông đã nhận biết có bao nhiêu là sự kiện: từ gỗ đá tro tro đến những sinh vật linh động. Tất cả muôn vàn sự vật đó luôn luôn đi lại không ngừng, luôn luôn sinh hóa, đổi thay – lẽ biến chuyển được kể gần như điều cốt yếu của vũ trụ, muôn loài — Có những đổi thay rõ ràng cụ thể như gió thổi, mây bay, đời người trôi qua hay dòng nước chảy. Nhưng cả những điều thoát nhìn ta chợt tưởng là vốn tĩnh, yên hàn như rừng rậm, núi cao, cá tính của con người hay những định đề toán học. Nhìn kỹ hơn có lẽ ta phải nghĩ đến những sự chuyển dịch trong lòng những chuyển dịch khác. Người đi bộ nhìn tàu chạy, xe đi tưởng rằng mình đứng yên một chỗ — Sống trên trái đất quay nhanh ta tưởng như

những vì sao đều bất động. Cái chuyển động nhỏ trong lòng chuyển động lớn tưởng rằng bất động nhưng cũng vẫn không ngừng sinh hóa đổi thay. Nên cả Hérachite, cả Khổng tử đều ngạc nhiên trước sự biến dịch của muôn loài như nước chảy và con người *không thể tắm hai lần trong cùng một luồng nước của dòng sông*.

Cho nên người xưa đã tự hỏi, đã phân vân không biết trong lòng những thực tại đổi thay có gì là vĩnh viễn. Nếu có những sự kiện biến dịch không ngừng thì chúng đã đến từ đâu? Có chăng một bản thể (être) nào là nguồn gốc, nền tảng của những sự vật biến dịch không cùng. Và người ta tự hỏi: Cái gì có trước tiên? Đó là một điều hư vô hay một điều có thực, đó là một lẽ huyền diệu hay là một sự kiện không thấu triệt được bởi trí năng. Thalès đã trả lời rằng nguồn là nước. Những kẻ đến sau lần lượt cho rằng tất cả đến từ lửa, tập không khí, từ vô định hay từ những nguyên tử nhỏ bé li ti. Những nguyên tử đó dưới mắt ông thầy của đạo Khổng là âm dương biến hóa đến từ cái lẽ thái cực diệu huyền.

Rồi lần lượt Socrate, Platon, Aristote thay nhau đề cập đến vấn đề bản thể. Aristote còn bảo đó mới là vấn đề triết học chính thống. Bởi vì mỗi khoa học chỉ nghiên cứu được một cái khía cạnh của thực tại nhưng không môn nào chuyên khảo về « cái có đó là gì? ».

Có những người đã phủ nhận khả năng con người trước những vấn đề như vậy. Lão tử cho rằng hiểu đạo là bất khả, giải đạo lại càng bất khả bởi vì đạo cường thịnh vô cùng, huyền diệu, vô biên. Kant bảo ta nhận biết rằng giác quan nên chỉ biết những gì là hiện tượng, là cái vẻ ngoài bán tin bán nghi. Còn ẩn tượng (noumène) cái thực, cái có đó vượt ngoài mức hiểu biết của nhân gian.

Nhưng dù muốn trả lời thẳng vào vấn đề: « cái có thực là gì? » « cái gì có trước tiên? » hay muốn tách ra khỏi vấn đề đó người ta vẫn xây dựng triết học quanh vấn đề đó. K. Marx đã phải trả lời vấn đề bản thể. (Cái có trước tiên là vật chất). Cho nên phủ nhận triết học siêu hình,

Marx vẫn ở trong vòng siêu hình như trong nghiệp chướng.

Heidegger sau Parménide ngoài hai mươi thế kỷ nhấn mạnh rằng « *vấn đề triết học căn bản là vấn đề bản thể* ». Cuốn sách then chốt của Sartre mang tên « *bản thể và hư vô* ».

Triết học dù Âu dù Á, xưa và nay vẫn dò hỏi về vấn đề bản thể, vẫn phân vân về cái lý, cái đạo diệu huyền. Có lẽ đó là một *nghiệp chướng*, là số phận con người cho nên Kierkegaard đứng trước vấn đề bản thể đã bảo *ta không thể hiểu thấu được nhưng cũng không thể ngừng tìm hiểu được. Như một con thiêu thân bay quanh ánh sáng của ngọn đèn*.



Ta đi vào vấn đề bản thể như những con thiêu thân đi vào ánh sáng không phải chỉ vì cần thiết theo vết tiền nhân. Tất nhiên bánh xe lịch sử đã đi vào con đường triết học căn bản đó. Nhưng dù gạt ra ngoài những lý do lịch sử, những kinh

nghiệm của thời xưa ta cũng chưa ra ngoài được vấn đề bản thể.

Ta sẽ nghĩ về những gì trong khi sinh sống? Về sự thật của vật giới? Nhưng nếu ta quan niệm rằng giác quan vốn lừa đảo vô cùng, làm ta lẫn lộn thực và hư, nóng lạnh, tất cả những gì ta biết được chỉ là những bóng giả tạo in trên vách đá của một hang kín thì ta sẽ cho rằng cái có thật sẽ chỉ là tư tưởng, lý giới (*monde des idées*). Sự thật của vật giới bị phủ nhận tức thì nếu ta cho rằng bản thể là tư tưởng. Ta dò hỏi về vấn đề trí tuệ, linh hồn, sự hiện hữu của thượng đế? Tất cả mọi giải đáp về những vấn đề đó ít hay nhiều cũng trực thuộc vào quan niệm của ta về bản thể. Nếu cái có trước tiên, cái có thật nhất chỉ là vật chất thì trí tuệ ta sẽ chỉ là tổng hợp, là sự dao động tinh vi giữa trăm ngàn nguyên tử tạo nên khối óc, đường gân. Và sự tin tưởng ở thượng đế có thật sẽ bị gạt vào một « giai đoạn thần bí » nào đó như quan niệm của A. Comte. Trả lời rằng « cái có trước tiên », « bản thể của mọi sự vật » không phải là vật chất ta sẽ tin ở linh hồn, ở thượng đế và thế giới bên kia không phải là hư vô, ảo ảnh.

Chính vì tùy theo quan niệm của một người về bản thể mà người ta liệt người đó vào lập trường duy vật, duy tâm hay một lập trường vượt ra ngoài sự chống chọi của chủ thể và khách thể (hiện hữu, nhân vị.)



Nhưng bên cạnh những lý do lịch sử, những tương quan giữa vấn đề bản thể và mọi vấn đề triết học khác còn một lý do đã luôn luôn thúc đẩy con người tìm cách giải quyết vấn đề bản thể mặc dầu chưa bao giờ đạt tới. Cả những người ý thức được rằng ta sẽ thất bại như Kant, Jaspers cũng lần mình vào.

Lý do chính là vì con người âu lo cho đời sống, cho số phận của mình.

Vấn đề « cái gì có trước tiên », « cái gì có thật sự » không phải là *trò chơi* của những người cuồng chữ. Mỗi hành động của đời sống đều mang ý nghĩa của một sự tin tưởng ở giải đáp nào đó. Kẻ ăn chơi đàng điểm cho thỏa mãn không nghĩ

ngợi đến phần hồn, đến kiếp sau đã nói lên một ý nghĩa « tất cả đến từ vật chất » mỗi khi nâng cốc rượu, mỗi ngày đêm mài miệt truy hoan. Người tu nhân, tích đức tin tưởng có Chúa, có Trời đã nói lên niềm tin tưởng ở cái có thực đầu tiên vốn là một sự kiện tinh thần.

Mỗi hành động của con người đều mang nặng ý nghĩa địa ngục hay thiên đàng, đó là nhận xét của Kierkegaard.

Con người luôn luôn phải lo âu vì vấn đề bản thể bởi vì con người luôn lo âu *phải sống như thế nào*. Không tin tưởng, tìm kiếm một giải đáp cho câu hỏi này thì sẽ vô ý thức trong sự sống hàng ngày. Biết tất cả sự luân chuyển của hành tinh, sự sinh sống của tế bào, thông tỏ ngọn ngành về văn chương, khoa học mà *không biết phải sống ra làm sao* là đủ bỏ qua điều thiết yếu. Pascal đã nhấn mạnh « *biết phải sống thế nào là thấu tóm được một kho vàng mà những sự kiện khác là phụ tạp* ».

Và chính vì ta lo âu về đời sống của ta nên phải dò hỏi về ta. Những giải quyết « ta phải làm

gì » « nên làm gì » liên quan đến bản thể của ta, tùy thuộc ở câu hỏi: ta là gì? Đó là mối tương quan giữa cái nên có, phải có và cái có thực, đạo đức và tâm lý, xã hội, cơ cấu của con người. Vấn đề bản thể, cũng là vấn đề bản thể ta nên liên hệ đến ta, đến cách sống của ta nên dù muốn dù không ta vẫn không gạt bỏ được vấn đề vì không tránh được âu lo về số phận của mình.



Vấn đề bản thể vì thế vẫn là vấn đề triết học then chốt. Những câu hỏi có tính cách thông thái « bản thể là gì » phản ánh một trạng thái lo âu của tâm hồn, thiết yếu của đời sống.

Câu hỏi đó có hiện ra dưới những hình thể đơn giản hơn « ta là gì? » ta không thể không suy nghĩ bởi vì mỗi giây, mỗi phút ta phải quyết định không ngừng « ta phải sống ra làm sao? »

Cho nên những chủ nghĩa cực đoan trong lịch sử đều có một vài điểm giá trị nhưng đã sai lầm khi độc đoán trong sự trả lời về vấn đề bản thể.

Phải chăng sự thất bại của thực thể học (ontologie) là dấu hiệu của một nghiệp chương dính liền vào đời sống con người, là dấu hiệu của số phận con người phải tự quyết và sự sống của mình. Phải chăng đó là dấu hiệu của tự do, và lẽ sống của cuộc đời?

NGUYỄN SA

(Trích Triết Học nhập môn)

con sông

LÝ HOÀNG PHONG

húng tôi đứng ngoài lan can, trên dòng sông. Nhìn xuống làn nước nước lả lướt trôi, tôi nói:

– Trông con sông thì lúc nào cũng thấy buồn. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấy thích.

Ông Hoàng ngược mắt nhìn tôi, im lặng một lát. Bỗng ông mỉm cười:

– Cô không hiểu sao? Con sông là hình ảnh của cuộc đời. Còn gì buồn bằng nhìn cuộc đời đi qua. Ấy thế, nhưng chúng ta phải sống, phải yêu cuộc đời chóng đổi thay.

Chiều đã xuống. Làn nước đã đổi màu. Bên kia sông, ánh nắng vàng thướt tha trên đồng cỏ. Tôi nói:

– Sống ở đây được yên tĩnh và tôi thấy bớt khổ. Khổ! Đời tôi sao thấy khổ nhiều quá. Sinh vào thời chiến tranh, loạn lạc.

– Cô người ở đâu?

– Tôi người Bắc Ninh.

– Thế cô cùng vào một lần với những người di cư?

– Vâng. Tôi di cư vào những chuyến cuối cùng.

– Chỉ có một mình cô với cụ nhà?

– Vâng. Chỉ có tôi với mẹ tôi. Thầy tôi ở lại với hai chị tôi. Hai chị tôi đều đã có chồng. Mấy anh ấy là bộ đội. Họ phải ở lại ngoài ấy.

– Cô có họ hàng, bà con gì ở đây không?

– Vâng, có đấy ạ. Tôi có một ông chú và một bà dì vào trong này đã lâu. Hồi trước tôi ở với chú tôi dưới Chợ Lớn. Nhưng ồn ào quá và không được tự do nên tôi không thích. Đến khi có cô bạn cùng làm một chỗ với tôi, cô ấy cho tôi mượn lại căn nhà này. Ở trên sông, mát mẻ, yên tĩnh lại tự do, tôi rất thích nên mượn ngay.

– Thế cô ở đây được bao lâu rồi?

– Được bốn tháng ạ. Bạn bè đến thăm họ cứ bảo là tôi gan dạ quá. Ở cô quận có hai mẹ con trong căn nhà rộng thế này mà không sợ sao. Thật ra thì tôi cũng sợ. Cả ngày khi tôi đi làm thì mẹ tôi phải ở nhà giữ nhà, không đi đâu được cả. Tối đến hai mẹ con đi ngủ sớm. Nhiều khi thấy cảnh cô độc cũng lo ngại quá. Cuối cùng tôi phải nhờ mấy bạn tôi hỏi giùm xem có ai thuê lại một nửa gian nhà. Chúng tôi ở một phần cũng đủ rồi. Hôm bạn tôi giới thiệu ông lại, chúng tôi mừng lắm. Chúng tôi thấy yên tâm hơn nhiều.

Tôi ngừng nói, tì tay nơi lan can và nhìn xuống dòng sông. Ông Hoàng lại mỉm cười nhìn tôi rồi nói:

– Về phần tôi thì có lẽ tôi mừng hơn cô. Tôi đến ở Sài Gòn đã có ba, bốn năm nay. Tôi thay đổi chỗ ở cũng có bảy tám lần. Ở đâu tôi cũng chỉ thấy đường sá, nhà cửa, xe cộ, bụi bặm ồn ào. Hôm tôi đến đây, tôi không ngờ tôi lại có thể may mắn đến thế. Cũng như cô, tôi đã có được tự do, yên tĩnh. Từ bao lâu tôi chỉ ao ước có chừng ấy.

– Ông đã biết Hà Nội chưa?

– Tôi chưa có dịp biết Hà Nội. Tôi rất tiếc, bây giờ thì không biết đến bao giờ tôi mới được biết Hà Nội.

– Hà Nội đẹp lắm.

– Thế cô có ở Hà nội?

– Tôi ở Hà Nội có gần năm năm. Hồi nhỏ tôi ở Bắc Ninh. Thấy mẹ tôi buôn bán ở đấy. Đến khi chiến tranh tôi lại phải tản cư lên rừng một

thời gian. Ở rừng thì khổ thật nhưng được yên thân. Sau đó, tôi phải trốn về Hà Nội... Tưởng có thể ở yên ở Hà Nội. Không ngờ lại phải di cư. Tôi xuống Hải Phòng gần năm tháng mới vào Nam.

– Nhà cô có ai bị tố khổ không?

– Ông bác tôi bị họ lấy hết của cải lại còn bị hành hạ thật cực nhục. Không hiểu sao họ lại tàn nhẫn đến thế?

Tôi ngồi tựa trên bờ lan can. Đêm đã đến. Trong bóng tối, dòng sông bỗng trở nên lạnh lùng. Ngôi sao hôm đã mọc ở trên trời. Ông Hoàng lại nói:

– Ô, giàu nghèo kể gì cô. Giàu nghèo cũng như con nước khi lên khi xuống.

– Tôi đâu có muốn nói chuyện giàu nghèo. Tôi chỉ nghĩ cuộc đời ngày nay sao mà khổ thế.

Ông Hoàng đưa tay xoa nhẹ trên bờ lan can. Ông nói:

– Tôi tưởng cuộc đời hình như lúc nào cũng có khổ.

– Nhưng sao tôi thấy khổ mãi.

– Cô chỉ có cái không may là phải sinh vào một cuộc đời đang lúc đảo lộn, đổi đời. Chỉ có thế thôi. Tôi cũng vậy.

Tôi lại hỏi ông Hoàng:

– Tết này ông không về nhà sao?

– Nếu về thì hôm nay tôi đã về. Hôm nay đã hai mươi tám. Mai hai mươi chín. Mốt ba mươi. Hai ngày nữa là đã qua năm mới. Tết, chắc cô nhớ Hà Nội.

– Vâng. Tôi nhớ Hà Nội lắm. Tôi nhớ thầy tôi, mấy chị tôi. Chẳng biết bao giờ lại gặp nhau.

– Cô đã mua sắm gì để ăn tết chưa?

– Nào mẹ tôi có nghĩ gì đến Tết. Còn tôi, tôi chỉ muốn mua ít bông hoa.

– Cô không may một cái áo mới mà ăn Tết sao?

Tôi bỗng thấy e then một cách vô cớ và mỉm cười:

– Vâng, có ạ.

Có tiếng mẹ tôi gọi vào ăn cơm. Tôi nói:

– Thôi, xin phép ông.

– Cô vào xơi cơm.

Giữa bữa ăn, tôi nghe tiếng ông Hoàng mở cửa đi ra. Mẹ tôi hỏi tôi:

– Con nói chuyện gì với ông Hoàng thế?

– Dạ không. Chẳng có chuyện gì. Tôi đáp.

Một lát sau, tôi nằm xuống đi vắng, đọc một tờ báo. Mẹ tôi đóng cánh cửa lớn về phía sông rồi đến ngồi khâu trên giường. Tôi để tờ báo xuống và kéo chăn đắp lên người. Tôi thấy thật yên tĩnh

và khoan khoái. Trong im lặng, tôi như nghe thấy tiếng con sông đang chảy ở dưới nhà. Tôi nhắm mắt chờ đợi giấc ngủ. Ông Hoàng đến, thế là đã được ba hôm. Lần đầu tiên, hôm nay, tôi nói chuyện với ông.

o O o

Hôm sau, hình như ông Hoàng đi đâu, không có ở nhà. Đến chiều, tôi đi làm về. Thay áo, rửa mặt xong, tôi ra ngoài lan can hứng mát, nhìn ngắm cảnh sông. Nhìn qua bên phòng ông Hoàng, tôi thấy những cánh cửa đều mở rộng. Tôi đưa mắt nhìn vào trong thì thấy ông Hoàng đứng ở giữa phòng, trước một giá họa. Ông đang phết sơn trên khung vải, thỉnh thoảng quay mặt ra phía sông. Sợ ông bắt gặp tôi đang nhìn trộm, tôi vội xây mình ra trước. Tôi lặng ngắm chiếc cầu sắt buồn bã bắc ngang làn nước, những mái nhà và những cành dừa nhuộm nắng hồng bên kia sông.

Bỗng tôi nghe tiếng ông Hoàng:

– Kìa cô, cô đã về.

Tôi quay lại. Ông Hoàng đứng nơi cửa sổ và đôi mắt ông đang hờn hờ nhìn tôi. Tôi mỉm cười:

– Vâng, tôi vừa mới về. Hình như ông đi đâu cả ngày hôm nay?

– Tôi đi lấy cái giá vẽ với những tấm tranh của tôi. Tôi về hồi trưa. Nhưng hình như cô đã đi làm rồi.

– Tôi nhìn vào giá vẽ dựng ở giữa phòng và hỏi:

– Ông đang họa cái gì đấy?

Ông Hoàng ngẩng mặt nhìn ra trước rồi nói:

– Tôi đang vẽ con sông ở ngoài.

Tôi cười hỏi ông Hoàng:

– Ông cho tôi xem có được không?

– Tôi vừa bắt đầu. Chưa có gì cả. Nhưng mời cô vào xem,

Tôi bước vào phòng ông Hoàng. Ông đưa tôi đến trước giá vẽ. Trên khung vải, tôi chỉ nhận thấy những nét phác họa sơ sài, một dòng sông và một bầu trời mơ hồ.

Tôi nhìn qua bên góc phòng và tôi thấy nhiều bức tranh chưa đóng khung dựng bên vách gỗ. Tôi hỏi ông Hoàng:

– Tất cả những tranh của ông đấy à?

– Vâng. Tôi đã đưa lại đây tất cả.

Tôi lần lượt xem qua độ mấy mươi bức tranh khổ lớn. Phần nhiều đều là những tranh vẽ sông. Những dòng sông mờ hơi sương buổi rạng đông hay chói lọi ánh nắng buổi ban trưa. Những dòng sông nhấp nhô gợn sóng trôi đi trong hoàng hôn đỏ ối hay trong đêm trăng thanh mát. Những dòng sông đủ mọi cảnh, mọi màu sắc, rất đậm đà, linh động và đều mang một vẻ buồn bã xa xôi, như huyền ảo.

Tôi bỗng cầm đến một bức họa bán thân một người con gái. Bức tranh chỉ toàn màu đen, trắng và xám nhạt. Tôi chăm chú nhìn người con gái. Một mái tóc đen, chải sát trên đầu và buông thõng xuống sau vai. Nét mặt có một vẻ tươi mát hoàn toàn tinh khiết. Đôi mắt đen liếc nhìn ra trước với một vẻ tình tứ, tinh anh mà sâu kín lạ lùng. Làn môi thoảng một nụ cười xa xăm.

Tôi đột nhiên quay lại hỏi ông Hoàng:

– Ai đẹp thế này, ông?

Ông Hoàng nhìn tôi, mỉm cười, không nói gì. Tôi biết là tôi đã lỡ lời. Tôi vội xem qua những bức tranh khác. Ngoài những bức tranh vẽ sông, có một ít vẽ núi hoặc cây cỏ, hoa lá.

Tôi đặt bức tranh cuối cùng xuống rồi cười nói với ông Hoàng:

– Ông vẽ đẹp lắm. Tôi không biết gì về tranh nhưng tôi thấy đẹp.

Tôi thông thả đi ra ngoài, ngồi xuống trên cái

60 | Sáng Tạo số 8 _ 05.1957

ghế mây. Ông Hoàng đứng chống tay trên bờ lan can. Trong bóng chiều, chúng tôi im lặng nhìn xuống dòng sông đã đổi màu.

Tôi hỏi ông Hoàng:

– Ông thích vẽ sông lắm sao?

– Vâng, tôi thích vẽ những con sông, những dòng nước.

Tôi cười, nhìn ông:

– Ở đây thì ông tha hồ vẽ. Sẵn có sông, có nước.

Ông Hoàng cũng vui cười:

– Vâng.

– Ông đã trưng bày tranh lần nào chưa?

– Tranh của tôi còn ít quá. Chưa đủ để trưng bày. Vì còn phải lo sinh sống nên tôi cũng không vẽ được là bao.

Tôi mỉm cười nhìn ông Hoàng:

– Ông còn trẻ. Còn có nhiều hy vọng...

Đôi mắt ông Hoàng thoáng hiện một ánh buồn bã:

– Tôi năm nay đã hai mươi bảy. Thế mà hoàn toàn chỉ có hai bàn tay trắng.

Ông Hoàng ngập ngừng một lát rồi tiếp:

– Xin lỗi cô. Năm nay cô đã bao nhiêu rồi?

Tôi cười đáp:

– Tôi già rồi ông ạ. Tôi đã hai mươi mốt.

– Hai mươi mốt. Cô trẻ hơn tôi những sáu tuổi. Đời cô còn dài. Đời tôi! Tương lai thì thế nào không biết chứ quá khứ thì cứ thấy lao đao mãi.

Ông Hoàng lại nhìn tôi. Ánh mắt ông long lanh như cười cợt:

– Phải hy vọng, cô ạ, phải hy vọng mà sống. Hết đau khổ rồi sẽ đến hạnh phúc. Hết chiến tranh lại đến thái bình. Hẳn nhiên là thế!

Tôi nhìn lên bầu trời ảm đạm buổi hoàng hôn. Nhìn xuống làn nước, tôi bỗng cảm thấy một nỗi buồn hiu hắt. Cuộc đời cứ trôi đi như dòng sông xuôi chảy. Hy vọng và thất vọng, vui, buồn, sướng, khổ cứ nối tiếp theo nhau, nhấp nhô theo làn nước chảy xuôi. Tôi bỗng nghĩ đến những bức tranh của ông Hoàng và đến bây giờ tôi mới cảm thấy vẻ đẹp huyền bí của những dòng sông.

Bỗng có tiếng gõ cửa ở ngoài, Ông Hoàng nói:

– Xin lỗi cô, chắc anh bạn tôi đến thăm. Cô ngồi đây chơi một lát đã chứ?

– Thôi xin phép ông. Tôi xin về. Có lẽ mẹ tôi đang tìm tôi.

Sau bữa cơm, tôi mang ghế ra ngồi ngoài lan

can. Mẹ tôi ngồi là áo quần nơi ngưỡng cửa phía sau lưng. Bên phòng ông Hoàng, những cánh cửa đều đóng kín. Ông Hoàng và người bạn của ông đi đã lâu rồi. Vài tiếng pháo tí tách nổ xa xa. Chiều hai mươi chín Tết sao mà buồn thế này. Nhìn làn nước chảy, tôi tưởng như đang cùng trôi đi theo dòng sông mệnh mông.

o O o

Chiều hôm sau, nghỉ ở nhà, tôi ngủ trưa một giấc miên man. Lúc tỉnh dậy, mặt trời đã xế bóng. Ngồi buồn tôi đem cái áo mới may ra mặc. Một lát sau, có tiếng gõ của bên ngoài. Tôi mở cửa thì ông Hoàng hiện ra. Ông nói:

– Tôi định qua thăm cô và cụ.

Tôi vui vẻ:

– Mời ông vào. Mẹ tôi đi ra phố chưa về.

Ông Hoàng ngồi xuống ghế, nơi bàn ăn. Tôi cầm bình trà ở giữa bàn, rót một tách nước mời ông. Rồi tôi cũng ngồi xuống nơi đi vắng. Ông Hoàng nhìn cái áo mới của tôi cười rồi nói:

– Cô mặc áo tết rồi đấy à?

Tôi bỗng then thùng nhìn xuống tấm áo:

– Vàng. Cái áo mới. Tôi định mặc thử xem thế nào?

– Cái áo trông xinh lắm.

Tôi lại cười, nhìn ông Hoàng:

– Không hiểu sao tôi hay thích màu vàng.

Ánh mắt ông Hoàng như dịu lại. Ông nói:

– Màu vàng là màu của hạnh phúc.

Tôi chỉ mỉm cười không biết nói gì. Tôi quay mặt nhìn ra con sông ở ngoài. Hạnh phúc! Thì ra tôi vẫn còn mãi mãi đi tìm hạnh phúc của cuộc đời.

Tôi lại bỗng nghe tiếng ông Hoàng:

- Tôi đã vẽ xong bức tranh hôm qua.
- Cô có muốn xem tôi đưa qua cô xem.
- Vâng, ông cho tôi xem.

Ông Hoàng trở qua bên phòng ông rồi trở lại, mang theo bức tranh. Ông đặt tấm họa trên cái bàn nhỏ nơi góc phòng rồi nói với tôi:

- Cô nhìn xem thế nào?

Đứng cạnh ông Hoàng, tôi chăm chú nhìn tấm vải hôm qua chỉ có mấy nét phác họa mà bây giờ đã là một bức tranh hoàn toàn. Tôi thấy chói sáng một dòng sông vàng nâu, óng ả trôi, chan hòa ánh nắng êm nhạt ban chiều. Bên kia mặt sông là một mảnh đất rộng, đầy cỏ dại và một chân trời phơn phớt xanh với những đường mây trắng. Tất cả có một vẻ tro trụi, hoang vắng, như buồn bã. Tuy nhiên, dòng sông nhuộm nắng chiều như chứa đựng một sự sống nhiệm mầu, bí mật. Tôi nhìn ra sông và nói:

– Đẹp quá! Tôi tưởng như thấy con sông ngoài kia.

Ông Hoàng nở một nụ cười như sung sướng: Ông bỗng nhìn tôi, nhìn bức tranh rồi tôi nghe ông nói:

– Nếu cô thích tôi xin biếu cô bức tranh để làm kỷ niệm.

Không ngờ ông Hoàng lại có cử chỉ ấy tôi vội ngạc nhiên thoái thác:

– Ô, công lao khó nhọc của ông, tôi đâu dám nhận.

– Có gì đâu, cô. Công lao có đáng là bao nhiêu. Nhân ngày Tết, tôi xin đi tết cô một bức tranh.

– Nhưng, ông cho như thế... nhiều quá.

– Dù mới quen biết, xin cô cứ xem tôi như là người thân. Cô chẳng nên e ngại như thế. Có

những bức tranh tôi thích biểu hơn là bán. Tôi rất vui mừng nếu cô nhận.

Tôi biết là ông Hoàng thật tình. Tôi khẽ nói:

– Vâng. Bức tranh thật đẹp và tôi rất thích. Ông đã có lòng tốt cho làm kỷ niệm, xin cảm ơn ông lắm.

Tôi lại nhìn qua bức tranh rồi cười nói tiếp:

– Đến khi tôi không còn ở đây nữa, tôi cứ nhìn con sông trong bức tranh là nhớ lại những ngày sống ở đây.

Ông Hoàng khẽ gật đầu và mỉm cười:

– Vâng. Cô cứ nhìn con sông trong tranh...

Tôi bỗng thấy ông Hoàng như chăm nhìn tôi. Tôi cúi đầu nhìn xuống, không biết ông Hoàng nhìn tôi hay nhìn con sông ngoài kia khung cửa. Tôi cũng đưa mắt nhìn ra ngoài. Chiều lại về. Ánh nắng dịu nhuộm vàng mặt sông. Nhìn dòng

nước chảy tôi tưởng như đang thấy thời gian man mác trôi qua.

Bây giờ ông Hoàng se sẽ đứng dậy và nói:

– Thôi, tôi xin phép cô. Cô không đi đâu bây giờ?

– Tôi phải chờ mẹ tôi về ạ. Tôi xin cảm ơn ông một lần nữa. Năm mới này tôi lại có được một bức tranh đẹp. Thật quý hóa quá.

Ông Hoàng tần ngần một lát rồi nói:

– Bây giờ tôi tới rủ mấy người bạn đi chợ Tết. Tối nay tôi không về nhà. Tôi ở lại nhà bạn đến sáng mới về.

Tôi nói:

– Thế tôi cũng vậy. Tối nay tôi đi với mẹ tôi xuống nhà chủ tôi dưới Chợ Lớn. Ăn giao thừa ở dưới ấy, mai sáng mới lại về.

– Thế thì vui lắm. Tôi xin phép cô. Để mai rồi tôi sẽ chúc Tết cô.

Tôi tươi cười đáp lại ông Hoàng:

– Vâng, mai ạ.

Ông Hoàng đi được một lúc thì mẹ tôi về. Tôi kể lại mẹ tôi nghe chuyện ông Hoàng cho bức tranh. Mẹ tôi nhìn tranh và khen đẹp. Sau bữa cơm, mẹ tôi đến nằm ở trên giường. Dọn dẹp xong tôi lại đứng ngắm nghía bức tranh của ông Hoàng. Tôi cảm thấy vui vẻ, gần như sung sướng. Tôi cầm lấy bức tranh nơi góc phòng gác lên tủ áo. Và quay lại nói với mẹ tôi:

– Ông Hoàng tử tế quá, mẹ nhỉ!

Mẹ tôi chỉ mỉm cười không nói gì. Tôi ngồi xuống bàn, cầm lấy tờ báo xuân đọc giải buồn. Đọc hết tờ báo, không biết làm gì, tôi lấy cây bút chì xanh đỏ, tô màu trên mấy bức họa trong tờ báo. Tô hết mấy tấm hình, không biết làm gì hơn tôi lấy cuốn album cất trong va li đem ra xem. Tôi

mơ màng nhớ lại, như trong giấc mộng, những ngày vui vẻ gia đình tôi còn sum họp. Bây giờ tan tác, mỗi người một ngả. Trong cảnh cô trịch, tĩnh mịch, bốn bề quanh hiu, lạnh lẽo, tôi bỗng thấy ngậm ngùi, chua xót. Không hiểu sao, tôi lại phải sinh vào một cuộc đời loạn lạc, đầy đau khổ. Không cầm được cảm xúc, nước mắt dâng lên nóng cả mi mắt và chảy dòng trên má. Tôi quay nhìn ra sau. Mẹ tôi đã ngủ thiếp trên giường tự bao giờ. Không buồn lau nước mắt, tôi mang ghế ra ngồi ngoài lan can. Trên nền trời, ngàn sao vàng vặc, con sông lặng ngắt như tờ. Nhìn làn nước trôi đi, tôi thấy lòng dịu dần. Những nỗi buồn khổ như bột phấn cay đắng. Tâm hồn tôi như trôi lên trên mặt sông, cuốn theo làn nước trôi đi đến một nơi menh mông, yên tĩnh.

Một lát sau, nhìn qua bên phòng ông Hoàng, tôi thấy cánh cửa sổ vẫn bỏ mở. Không hiểu sao, tôi bỗng đứng dậy, đi dọc theo lan can đến trước cửa sổ ấy. Tôi nhìn vào trong phòng. Qua màn bóng tối thăm thẳm, tôi có thể nhận thấy nơi góc cuối một cái ghế bố dài. Trên mặt bố một

cái mền và một cái gối nhỏ. Cạnh đấy, đặt trên mặt ván, một cái va li lớn. Đồ đạc sơ sài nên căn phòng bỗng thấy quá rộng. Kê cạnh cửa sổ, nơi chỗ tôi đứng, một cái bàn và một cái ghế vải. Trên bàn, nhiều chồng sách cao. Ở giữa phòng, tôi còn thấy cái giá vẽ bỏ trống, đứng chờ vợ. Những bức tranh chưa đóng khung vẫn còn đặt ngổn ngang nơi góc phòng. Chỉ có bức tranh người con gái đã thấy treo lên trên vách gỗ. Tôi tưởng như thấy rõ đôi mắt đen bí mật của nàng hiển hiện trong bóng tối mờ nhạt.

Bây giờ tôi quay mặt ra sông, tựa người nơi lan can, lặng nhìn ra trước. Mơ màng tôi nghe tiếng dòng sông chảy mạnh dưới chân tôi. Có tiếng mẹ tôi kêu tôi. Mẹ tôi vừa thức dậy. Người bảo tôi sửa soạn để về Chợ Lớn. Tôi bận áo và cùng mẹ tôi ra đi.

Đêm giao thừa ở nhà chú tôi rất vui. Tôi ăn rất nhiều bánh và đánh bài mãi đến khuya mới đi ngủ. Sáng sớm, mẹ tôi đã đánh thức tôi dậy để về nhà.

Khi chiếc xe taxi đến gần xóm tôi ở, tôi thấy một đám đông người đứng chật cả đường. Hai bên lề đường, nhiều người ngồi nằm la liệt ‘bên cạnh những rương hòm ngổn ngang. Mẹ tôi hốt hoảng nói:

– Thôi chết rồi, cháy!

Xe đỗ, tôi cùng mẹ tôi bước vội xuống. Mẹ tôi hốt hải hỏi một ông già đang ngơ ngác bên đường:

– Cháy đâu thế ông?

– Cháy trong xóm nhà ven bờ sông.

– Cháy hồi nào thế ạ?

– Cháy hồi khuya.

– Cháy có nhiều không hở ông?

– Cháy hết. Chỉ có dãy nhà ở ngoài này là còn.

– Mẹ ơi. Tôi khẽ kêu và lặng người.

Mẹ tôi nắm lấy cánh tay run rẩy của tôi và kéo tôi đi.

Chúng tôi đi vào trong con đường xóm chật ních những người. Qua khỏi dãy nhà ở ngoài, chúng tôi đứng dừng lại như đứng dừng lại trước một giấc mơ. Bao nhiêu mái nhà gỗ chen chúc nhau ven bờ sông bây giờ chỉ còn là một đám tro đen xám hơi nóng còn đang bốc. Không, tất cả đều biến mất, không còn lại một cái gì. Đứng giữa đám người đông đúc, tôi cảm thấy một nỗi hoang vắng, lạnh lùng, chua chát. Cả cuộc đời tôi như vừa bị cháy thiêu đi. Tôi bỗng nghĩ đến ông Hoàng và những bức tranh của ông. Tôi đưa mắt quanh quất tìm ông nhưng không thấy ông đâu

74 | Sáng Tạo số 8 _ 05.1957

cả. Không cầm được cảm xúc, tôi gục đầu trên vai mẹ tôi, nghẹn ngào, nước mắt. Qua màn lệ, tôi chỉ còn trông thấy trong ánh nắng mới ngày đầu năm, con sông dài êm ả trôi đi.

LÝ HOÀNG PHONG

MÃI NHÀ

VĨNH LỘC

*H*ai vợ chồng về đến nơi thì xóm nhà họ ở chỉ còn là một bãi đất đen xám. Nắng xé trưa dội lên những khuôn mặt bết mồ hôi và tro bụi. Đó đây từng vệt khói thừa còn bốc lên từ những cây cột đen cụt lủn, mấy mảnh tường sập. Đồ đạc nằm ngổn ngang trên bãi. Chúng có vẻ bơ vơ như những con người đang chạy đi chạy lại thất thểu trên bãi đất còn âm ỷ hơi than. Đôi ba tiếng người hỏi nhau hốt hải.

– Thím Năm ơi, nhà tôi chỉ kịp chạy được mấy cái rương quần áo, thật là kiếm củi ba năm thiêu một giờ.

Người đàn bà than thở nói như người sắp khóc.

– Thế còn là may. Đây chỉ thoát độc có cái thân cụ này thôi!

Một người khác vỗ vào ngực mình, uất ức bảo vậy. Đó là bác Đức thợ mộc. Chính tay bác đã cất chiếc nhà nhỏ trên bãi đất trống mà bác đã cày cục mướn được ngày mới di cư vào Nam.

– Chị Bảy Hoàn thì chạy được cây đòn tranh....

Chị đàn bà đứng bên cạnh anh chồng gượng khôi hài một câu. Người chồng ngắt lời, càu nhàu:

– Nồi cơm của người ta, bảo không chạy sao được. Nói vậy mà nghe được, thiệt ngu!

Thật vậy, chị Hoàn chỉ còn mỗi cây đòn là lẽ sống của chị. Chị từ dưới tỉnh lên, hồi còn lộn xộn. Thỉnh thoảng chị đi theo một vài gánh hát; hay kiếm một buổi đòn trên đài phát thanh. Ngón

đờn xưa buồn tẻ nhưng cũng giúp chị sống qua ngày. Lúc nổi lửa, chị tìm được cây đờn, lóng còng ôm ra khỏi căn nhà đã bốc khói mù. Chị ôm cây đờn như người mẹ ôm đứa hài nhi ruột thịt.

Nỗi hoảng hốt lúc đầu làm mắt Cần hoa lên. Giữa những hình bóng đậm nét đương xê chuyển chung quanh, anh cố định thần để tìm lại dấu vết căn nhà của mình. Anh chỉ thấy mùi gỗ cháy khét lẹt dưới chân anh đất âm ỷ nóng. Trên đỉnh đầu là ông mặt trời miễn nhiệt đới chói chang. Cần có cảm tưởng như kẻ bộ hành lạc lõng nơi sa mạc.

– Thế là xong!

Anh nói một mình qua hàm răng nghiến chặt. Bên cạnh anh, phụ họa một tiếng thở dài. Không biết làm gì, anh ngồi bệt xuống bãi đất còn khét lẹt, hai tay ôm lấy đầu. Trong một khắc đồng hồ, câu chuyện mái nhà được hồi tưởng lại...

Cũng như tất cả những cuộc tình duyên bình thường khác, họ đã đi đến chỗ quyết định lấy nhau. Cả hai cùng nghèo. Thuộc vào cái lớp đi làm tư sở, lương ba cọc ba đồng. Cho nên họ đã phải chờ đến ba năm mới quyết định chung sống.

Sang năm thứ ba, những lần hò hẹn không còn dẫn đến một rạp chiếu bóng hay những buổi chiều mát bên bờ sông trước mặt thành phố. Hễ nghe ở đâu có một căn nhà cho mượn, hoặc sang mà giá tiền không quá mười lăm ngàn đồng là họ vội vàng tìm đến. Phần nhiều họ bị thất vọng. Trước hết hoàn cảnh không thích nghi với túi tiền của họ. Khi thì là một căn nhà ngăn nắp với đủ tiện nghi. Họ lủi thủi kéo nhau ra về sau lúc người ta cho biết giá tiền của cái tổ ấm. Có nhiều căn nhà bán rẻ nhưng lại ở tận một vùng ngoại ô thành phố xa lắc. Đôi khi ở gần thì lại là một mái tranh lụp xụp, nếu không là một gian nhà chật chội mái lợp tôn nóng như một cái hỏa lò.

Cần — anh chồng mới thủ thỉ với Sinh — chị vợ:

– Hay là chúng mình kiếm chỗ nào cho thuê đất một chút, ở tạm ít lâu rồi kiếm nhà sau vậy.

Sinh nghĩ đến những ngày tháng cần cù dành dụm còn xa xôi. Hình ảnh những nếp nhà lợp xúp, những con đường xóm ngoại ô heo hút khiến nàng mất đi khá nhiều kiên nhẫn.

Sau cùng họ cũng tìm ra được một mái nhà. Đó là một căn phòng vừa đúng ba thước vuông nằm cuối một dãy phòng cũng chật chội như thế ở một căn nhà gạch trong cùng ngõ hẻm bên lề thành phố.

Gian phòng kê vừa đủ một chiếc giường và một cái tủ đứng. Với hai vợ chồng như thế cũng tạm đủ.

Cần an ủi mình và bảo vợ như vậy. Tuy mộng đã tan, nhưng Sinh vốn thuộc vào lớp người giàu kiên nhẫn, chịu đựng. Nàng nhìn chồng cười buồn: Đúng là một cái tổ ấm!

Ban ngày phòng nóng hầm hập vì không có qua một cái cửa sổ ngoài mấy cái lỗ thông hơi ở tít trên trần nhà. Về đêm ngọn đèn điện đỏ xọng lũng lảng trên trần nhà làm cho căn phòng có vẻ một cái trại giam. Phòng nằm sau một cái sân đầy những cống rãnh và những vũng nước bẩn, nên chập tối muối bên ngoài ủa vào như chấu.

Những buổi tối đầu tiên cứ cơm nước xong là hai vợ chồng lại phải kéo nhau ra đầu nhà. Ở bên ngoài thoáng nên ít muối hơn, nhưng hàng xóm cũng như họ kéo ra đông đảo. Trẻ con đùa nghịch đánh nhau chí chöhe. Một vài bà ở kế cận được dịp lôi những bực bội hàng ngày ra than thở. Trong khi đó thì mấy ông chồng góp truyện làm ăn, chơi bời, thường là những mẫu truyện ở bàn giấy mà hơn lúc nào hết Cần muốn vứt bỏ đi cho đỡ mệt óc.

Để tránh những tai nạn nho nhỏ như thế, hai vợ chồng đành phải đưa nhau ra bờ sông hứng mát. Những cuộc đi chơi ấy thường là tốn kém nên không còn thơ mộng nữa.

May thay một hôm Cần mua lại được chiếc quạt máy cỡ nhỏ. Cuộc sống hàng ngày bớt đi được một phần bức bối.

Nhưng còn một điều băn khoăn nhất cho đôi vợ chồng son trẻ này là ngày tháng trôi mau quá. Chẳng khác gì bóng câu qua cửa sổ. Hễ họ cứ vừa mừng được lãnh vài ngàn lương ở sở về là họ đã nhớ ngay đến tấm biên lại tiền phố chờ họ ở nhà.

Người tỉnh mộng trước là Sinh vốn tính toán, cần kiệm. Một ngàn bạc tiền nhà mỗi tháng, cứ như là ăn gỏi. Tính ra mỗi năm cũng được đến mười hai ngàn và cứ như thế chẳng mấy chốc đã tiêu một cái nhà ba chục ngàn như không!

Suy xét lại, Cần thấy mình hơi vụng tính.

Thế là họ lại mở chiến dịch... đi tìm nhà.

Nhờ những cuộc đi thăm thú tứ mĩ, Cần đã thuộc được khá nhiều ngõ ngách trong thành phố và ngoại ô. Còn Sinh, nếu không bận đến sở ngày hai buổi có lẽ nàng đã trở nên một tay mồi nhà thành thạo.

Sau cùng, ngày tháng và sự kiên nhẫn đã giúp họ tìm ra được một nếp nhà vừa ý. Phải gọi nó là mái nhà lý tưởng thì mới đúng

Nếp nhà ở vào một vùng sát nách thành phố, bên cạnh còn đường lớn tấp nập xe cộ đi một chiều. Ngay trước đây là một khu đất bỏ hoang: Rác rưởi ùn lên cạnh những đám ruộng nước bùn lầy. Khi rác được lấp đầy mấy vũng nước tù hãm thì một vài người vốn sẵn óc xây dựng đã tìm ngay đến cất lên một túp lều. Thế rồi những mái nhà mọc lên như lúa tháng bảy. Đất hoang, bãi rác biến thành khu xóm đông vui.

Đi vào xóm phải qua một con đường đất còn hằn lên những vết bùn khô sau mùa mưa. Ở đây người ta có thể nghe được những tiếng ồn ào của thành phố từ sáng đến chiều. Ao tù còn lác đác ở một vài nơi, nhưng về đêm trời lạnh thì không có muỗi.

Ở đầu xóm một vài căn nhà gạch sừng sững ngó ra đường cái. Đó là những cái « ca bin » nhỏ

tiếp điện cho cả khu nhà lụp xụp chen chúc đằng sau. Đèn điện ở đây thì đỏ xọng như mắt những người say rượu. Thỉnh thoảng còn có một vài nhà cao hứng bắt lên một cái giầy « ăng ten » tối tối bà con lối xóm tha hồ được nghe vọng cổ.

Nhà của họ nằm ngay cạnh một con đường chính trong xóm. Trước cửa là một khoảnh đất xinh xinh trồng mấy cái cây leo. Nhà vách ván, diện tích bằng hai gian phòng họ thuê ngày trước. Đằng sau nhà còn một gian để làm nhà bếp và nhà tắm.

Đó là một nếp nhà có đủ tiện nghi, như lời ông chủ nhà đã tỉ mỉ giới thiệu. Bà chủ lại không quên khoe cái nền nhà lát gạch bông vẫn thường được bà lau chùi sạch sẽ như một món đồ gia bảo. Bà còn mách nhỏ vào tai Sinh: với hai ngọn đèn điện vàng ửng mình còn có thể tháu cáy lắp thêm một cái đèn ống. Nhà ngăn làm đôi bởi một tấm vách bằng các-tông « y dô lăng ». Tóm lại trông cũng gọn mắt. Và nhất là vừa với sức đóng góp của hai vợ chồng Cần.

Thế là Cần hốt một bát hụi đầu, Sinh hốt một bát hụi chót, cộng với số tiền gửi quỹ tiết kiệm và vay lãi năm phân của một người trong sở, hai vợ chồng đã tậu được căn nhà bấy lâu mong ước.

Cũng như cuộc đời và tình chồng vợ, rất nhiều sự sửa sang trang hoàng cần được tiếp tục để cho căn nhà nhỏ ngày thêm xinh đẹp ấm cúng hơn. Ngoài cái nền gạch bông, Cần nghĩ trước tiên đến cái trần nhà. Mái « phíp rô » vào những buổi trưa nắng, âm ỷ như một cái hỏa lò vừa tàn nhan. Nửa đêm về sáng thì lại thấy phải đập mền. Thời tiết trong nhà thay đổi như một cái xe huê kỳ có lắp máy điều động không khí. Nhờ mấy tấm « các tông y dô lằng » gian nhà lại gọn và đẹp hơn lên. Đàn bà có lẽ nhiều người ghét cái giống nhà vách ván. Hàng xóm thường được tiếp xúc với mình một cách quá thân mật qua những khe ván hở. Tuy đã có sẵn một lớp giấy báo khá dày, Sinh còn cần thận phết lên thêm một lớp giấy bông.

Khéo tay một chút, lại chả kém gì một cái « sit tuy đi ô ».

Sinh đã sung sướng tự khen mình như vậy. Cần cứ phải luôn luôn phóng đại khiêu thẩm mỹ của mình lên để cho vợ hạ bớt nhịp mua sắm, trang hoàng căn nhà. Những lúc cao hứng Sinh dễ bỏ quên tánh tiết kiệm thường ngày. Cuộc sống đã có thể gọi được là đầm ấm.

Tối đến Cần thắp một ngọn đèn nhỏ nằm đọc sách. Vợ Cần may vá lảng nhăng hay ngồi ngắm nghĩa gian nhà để nghĩ đến một vài thứ trang hoàng cần thiết. Họ không phải ra tận bờ sông vì ở đây về tối thường mát trời. Hàng xóm gần đấy văng vẳng tiếng máy phát thanh âm nhạc mới. Đôi khi lại có thêm một ánh trăng. Ánh trăng chiếu vào nhà, lên thêm nhà, lên giàn dây leo. Lúc bấy giờ hai vợ chồng rủ nhau ra ngồi bực cửa để ngắm trăng.

Hạnh phúc đến cười với họ, một hôm, Sinh thỏ thẻ bảo Cần:

– Anh ạ, em sắp... có con.

Dưới ánh trăng – vì hôm đó nhằm vào đêm

mười bốn – mắt Sinh đông đưa, lấp lánh và đẹp một cách dị thường. Có lẽ đấy chỉ là cảm tưởng của một anh chồng vào lúc thương yêu vợ nhất. Lòng gã đàn ông lúc đó tràn ngập một niềm mến thương. Cần sẽ đặt tay lên bụng vợ và hình dung đến một đứa bé sắp ra đời. Cuộc sống mòn mỏi trong phòng giấy, những phút cực nhọc của kiếp người, trong một lúc, tan tác đi, nhường chỗ cho một niềm tin yêu dào dạt...



Cần chợt nghe tiếng nước nở sau lưng mình. Vai áo anh ướt đẫm. Nắng buổi trưa bốc lên hừng hực. Trong một lúc anh tưởng như trái đất sắp nổ tung ra. Anh muốn an ủi vợ nhưng nghẹn ngào không nói được. Chính anh cũng đương cần được an ủi rất nhiều. Anh nghĩ đến ngày mai và thấy mình mang cái tâm trạng của một gã bộ hành bắt đầu đi vào con đường thăm thẳm, thiêu đốt trong nắng, với những hành lý nặng nề trên vai...

Trong lúc quàng tay ôm Sinh sát vào mình, anh chợt nhớ đến một người bạn. Hấn cũng ở một vùng ngoại ô.

– Chúng mình về tạm nhà anh Tải vậy.

Sinh gượng gạt đầu, lòng não nề như khi đưa tiễn một người ruột thịt.

Họ nhìn ra xung quanh. Trên bãi đất điêu tàn gia đình nạn nhân từng tấp dưng lo thu dọn những của cải còn sót lại. Bóng họ in thành những nét đen đậm trông như một đàn kiến cùn cùn xây dựng tổ. Một vài nơi có người đã dựng tạm lên một tấm lều vải hay một mảnh tôn cũ.

Nắng làm cho nước mắt khô mau trên má Sinh. Nàng vừa nghe tiếng chồng thủ thỉ:

– Chiều mình phải về nhận đất mới được.

Anh nói sau tiếng thở dài. Hình ảnh những người chung cảnh ngộ đã an ủi họ được đôi phần.

Cần dìu vợ đi:

– Em đã đói chưa?... Đứng đây nắng quá.

Hai vợ chồng lặng lẽ đi về phía đường cái. Đường một chiều bốc lên những âm thanh ào ạt của cuộc sống máy móc, cần cù.

Sau lưng họ bãi đất quẩn quại trong tro tàn. Tiếng một người nào đó, vu vơ:

– Sắp đến mưa rồi, may ra thì đỡ khổ...

Cuối mùa nắng 1957

VĨNH LỘC

NÓI VỀ HỘI HỌA

DUY THANH

ó nhiều người trước một họa phẩm thường kêu lên: chịu, tôi không sao hiểu nổi — và hỏi nhà họa sĩ: xin giảng giúp xem bức tranh này ra sao?

Đành rằng vẽ cho quần chúng xem cũng cần chú trọng đến nội dung của bức tranh, nhưng tưởng nên đặt một câu hỏi: ý nghĩa là thế nào?

Làm một tấm tranh truyện chẳng hạn, tất nhiên cần có sự liên tục cho người xem hiểu nhưng ở một nghệ phẩm thì khác. Tác phẩm tự nói lên tiếng nói đầy đủ của nó. Nếu ta chỉ một bức họa trừu tượng hoặc lập thể mà hỏi ở trong đó vẽ cái gì thì « để làm gì »?

Vì có một đa số chỉ cần phân tách trong bức tranh lơ mờ một hình người, một cái cốc, một cái tàu đã tự thú vị về sự khám phá đó rồi. Một số nữa lại cương quyết phủ nhận những sự vật có tính cách bất thường. Theo tôi, sự vật ở nghệ thuật khác với sự vật mắt ta nhìn hàng ngày. Hội họa không phải là chụp ảnh. Ghi chép sự vật giống từng ly từng tí không ích lợi gì cả. Ta dùng ngay ống ảnh mà ghi lại có hơn không. Vì khoa học đã giúp ta phương tiện đó. Nhà thơ Appollinaire cũng bảo: « Hội họa không là một nghệ thuật bắt chước mà phải sáng tạo ».

Ngày xưa, chưa có máy ảnh, những họa sĩ thường vẽ phong cảnh, vẽ chân dung cho các vua chúa, các bà mệnh phụ hoặc các nhân vật đương thời một cách rất đúng. Với các người có tài như Michel Ange, Raphaël, Rembrandt, Vélasquez hay Léonard de Vinci sự độc đáo vẫn nổi bật trong cách diễn đạt. Bức họa mang một không khí riêng, một linh hồn riêng. Giá trị đó đến ngày nay vẫn không ai phủ nhận. thoát dần

Tới cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX thì hội họa tới một hình thức mới. Đó là do hoàn cảnh, sự biến chuyển trong tâm hồn con người với cuộc sống mới, rất nhiều động cơ khiến họa sĩ (là một trong những phản ảnh của thời đại) phải tìm một con đường khác đi cho hợp với tâm trạng của chính mình. Cũng từ đó phát sinh ra nhiều cái *isme* mới (1).

(1) Về các môn phái chúng tôi sẽ đề cập trong một bài khác.

Phương pháp ghi chép những hình, những vật không thể giống như của ống ảnh. Vì: *Nghĩ đến sự giống, anh đã nghĩ một điều giả tạo* (Braque). Cái bàn, cái ghế mà ta vẫn thấy, nếu nói theo giọng triết học đã có chắc là đúng như những hình thể mình vẫn tưởng? Nếu anh tìm tòi, « cảm » sự vật bằng mọi giác quan, mọi cảm xúc của anh ấy đã là một cách làm nghệ thuật rồi.

Hãy nghe Braque giải thích: Tôi tiến tới độ làm mất tính chất của vật đề cho vật đó một ý nghĩa khác hơn, một sức sống mới. Khi vẽ cái

bình, không phải chỉ là làm một đồ vật đựng nước. Nói khác đi, những vật tạo ra giữ một số phận mới trong bức tranh. Cái bình mất tính chất thường thức của nó, nhưng sẽ mang sự hòa hợp của Người. Có điểm đồng nhất là sự bắc cầu nẩy ra giữa vật, với toàn diện bức tranh và với tác giả.

Tóm lại, vẽ chỉ là phương tiện để diễn đạt tiếng nói của linh hồn, được phiên dịch bằng bút lông qua màu sắc, hình khối, đường nét trên khung vải. Vậy dù người họa sĩ thể hiện qua các trường trữu tượng, lập thể, ấn tượng hay hiện thực chẳng nữa thì những tình cảm ấy chỉ là một. *Quan hệ ở chỗ thành thực với mình mà thôi.*

Vì có họa sĩ không chịu được những sự kiện thường thức, cần phải tìm tòi để đem lại một cái gì mới lạ, một tác phẩm sáng tạo (ouvre de création). Chính các người này đều có một quan niệm riêng, một triết lý riêng.

Chẳng hạn Van Dongen thì bảo: Cõi đời này buồn và đáng chán quá nên tôi phải tạo ra một thế giới rục rờ hơn bằng tác phẩm tôi.

Matisse lại nói: Tôi dùng những màu xanh đỏ, vàng nguyên chất hòa hợp với nhau để khuấy động cái tính dục của con người. Và: Tôi vẽ trước hết để tả nỗi xúc động mà tôi cảm thấy ở sự vật (quả vậy nhìn vào tranh của Matisse mà so sánh với cảnh vật thì không có giống nhau. Thế mà bức tranh vẫn « thật ». Nên hiểu chữ « Thật » trong địa hạt trừu tượng).

Cézanne viết: Hãy nhìn và vẽ thiên nhiên bằng những hình ống tròn, hình nón, hình khối.

Van Gogh cũng viết: Tôi dùng những màu xanh, màu đỏ để tả sự say mê kinh khiếp của con người.

Với Dufy: màu sắc của con người vượt ra ngoài biên giới của hình. Tôi vẽ như tôi hát, làm vui con người.

Gauguin chủ trương: nghệ thuật là một sự trừu tượng, tôi vẽ để diễn tả một ý niệm. Trong lúc tạo tác thì hoàn toàn theo tưởng tượng mà biến đổi màu sắc.

Xem như thế ta thấy rằng người họa sĩ có tài phải có một cái gì độc đáo. Hiện trạng buồn vui chẳng hạn, người này xúc cảm một khác, và người kia một khác. Dù đề tài diễn tả có thể giống nhau nhưng cái sắc thái của cá nhân vẫn khác nhau.

Trước một phong cảnh đẹp, một Picasso có thể đạo đạt lại bằng những hình thể khác thường, một Bernard Buffet sẽ vẽ trên khung vải những thân cây gầy guộc, không năng động trong một sự im lặng của chết chóc. Trái lại một Bonnard lại là tiếng ca của màu sắc, của ân tình.

Vậy thì *sự thật* của hội họa là ở đâu? *Chính là do nơi tâm của con người*. Điều quan trọng, theo tôi, là sự diễn đạt có nói lên được cái tâm tư của kẻ sáng tạo hay không?

Đến đây có người sẽ hỏi: làm sao để biết thế nào là một họa phẩm đạt tới cao độ của nó?

Tất nhiên ta phải trở đến vấn đề kỹ thuật. Trong bài này tôi không muốn, hay chỉ nói rất ít đến kỹ thuật (vì lẽ dễ hiểu, mỗi họa sĩ cần có chút ít kỹ thuật mới mong sáng tác được).

Tôi tưởng nên nhắc lại tên một vài họa sĩ đã nổi danh mà vẫn có cái chất « vụng về » trong tác phẩm như Utrillo, Rousseau, Chagall vân vân. Một thí dụ cụ thể là có khi ta thấy tranh vẽ của trẻ em cũng có nhiều đường nét xuất thần, rất đạt làm ngạc nhiên những người sành sỏi về nghệ thuật, mặc dầu có nhiều điểm ngây ngô ở kỹ thuật. Do đó, ta nhận thức thêm rằng: làm nghệ thuật không thể « khôn » quá hoặc « ma lanh » quá được. Vì nếu « khôn » quá tác phẩm sẽ thiếu phần hồn, và họa sĩ sẽ khoác phải cái áo giả tạo. Tôi không phủ nhận phần lý trí của người vẽ. Ý thức được lý trí như Matisse chẳng hạn thì tác phẩm thoát trông tưởng dễ dàng, có vẻ khuynh về tính chất nguyên thủy, nhưng thật ra qua bao tìm tòi ghê gớm mới đạt đến sự « dễ dàng » đó; có thể so sánh với những tranh thủy mặc của họa sĩ Trung quốc ngày xưa. Ta sẽ thấy điểm giống nhau ở chỗ tìm tòi.

Nếu lý trí chỉ nửa vời, bức tranh trở nên khô khan. Người sành sỏi sẽ nhận ngay ra điểm đó. Xem một tấm tranh vào loại này, một thức giả

Pháp đã nói với tôi về tác giả nó: Ce n'est qu'un artiste mais pas un peintre. Tiếng nghệ sĩ ở đây là một nghệ sĩ khéo léo, nhưng tiếng peintre để chỉ một họa sĩ mang *tính chất hội họa* trong tác phẩm vẽ ra.

Ta thấy cái vụng về ở nghệ thuật không là điều quan trọng lắm. Tôi nhắc lại: phải thành thật — với mình lúc bấy giờ — nếu anh sáng tác.

Khoa hội họa, về kỹ thuật chỉ dành ba năm sẽ học hết các cách thức, các luật lệ. Ra khỏi trường, lý thuyết sẽ có thể nói thao thao. Nhưng nếu trong *tâm* anh thiếu cái *tình* đó anh chỉ có thể là một thợ khéo, một lý thuyết gia mà thôi.

Vẽ thì ai cũng có thể vẽ được. Có thể học để vẽ cho thật đúng, thật giống (vẽ truyền thần) nhưng đạt tới chất *nghệ thuật thuần túy* thì không dễ dàng. Nhất là nhà trường lại không thể dạy được điều này.

Tôi nhớ câu nói của Jean Cocteau khi trả lời câu hỏi của một nhà báo: Theo ông thì làm gì dễ

nhất?– « Vẽ dễ nhất, duy có vẽ cho đạt mới là khó nhất ».

Lại còn một điều đáng nói: vẽ không phải là minh họa ý tưởng có trong đầu. Tạo một bức họa trừu tượng không hẳn có sẵn một lô ý tưởng, làm thành bài, rồi chấp nhận để vẽ lại ý đó. Một khoảnh màu đặt ở chỗ này chỗ kia tự nó chẳng nói lên gì hết và cũng chẳng diễn tả được gì. Nhưng ở toàn thể nếu là bức họa thành công – sẽ tiết tấu ra cái tình cảm của người vẽ.

Nhận thức được điều này khán giả đã thông cảm với nghệ phẩm rồi.

Thưởng ngoạn là một hành động khám phá. Đi vào thế giới nghệ thuật cần có sự tìm tòi mới mẻ của giác quan. Không lẽ lại cứ thụ động theo ý kiến của người khác.

Tôi cho rằng thưởng ngoạn cần chủ động. Ý nghĩa của bức tranh sẽ do nơi người *cảm* nó. Vì sau khi truyền được cái rung động qua họa phẩm lại được thấm vào một lần nữa bằng chính cảm giác của thức giả.

Bởi thế đề tài là điểm phụ thuộc. Có khi bức tranh thành hình rồi mới đặt tên. Một họa sĩ vô hình dung (non figuratif) Jacques Halpern bảo tôi: Họa phẩm đặt cân trọng được cả bốn chiều mà vẫn không lệch hoặc thiếu cân bằng. Sáng tác phẩm phải tự nó hiện hình qua con người mình. Tôi chỉ có nhiệm vụ đưa ra những cái đang tích lũy ở bên trong tôi mà thôi. Thành thử tranh không bao giờ có tên trước. Mỗi người « nhìn » một khác. Có thể treo cả bốn chiều nếu thích. Đó là những phiền tâm hồn nguyên vẹn của tôi.

Câu của họa sĩ Nguyễn Tiến Chung cũng na ná: Họa sĩ là một thứ « ông giời » thứ hai đấy chứ. Vậy anh có quyền vẽ những gì trong tiềm thức cùng những cảm giác súc tích trong lòng anh.

Tôi nhắc lại lời Picasso: mỗi lần vẽ là một lần tôi như rơi vào khoảng không gian vô tận.

Và của Braque: chính lúc vẽ mới là lúc tôi « thấy » sự vật. Không hề có sự nghĩ trước: Tôi không làm như tôi muốn mà làm theo điều tôi có thể làm được.

Qua những lời trên thì vẽ là một cuộc thám hiểm nội tâm.

Một họa sĩ nếu có hơn người là do điểm này. Anh ta « thấy » được những điều mà người khác không thấy hoặc không biết làm sao « nói » được ra.

Đúng như Fénelon khi định nghĩa một nhà hùng biện: Hẳn nghĩ, hẳn cảm rồi hẳn nói thao thao bất tuyệt.

Đứng về phía khán giả mà nhìn nhận thì thông cảm là sự cần thiết cốt yếu. Anh chỉ có sau khi đã tìm hiểu để có ý thức minh định.

Như trên đã nói, có người cứ tưởng rằng được biết trong tranh vẽ những gì là hiểu được rồi. Sự thật không phải. Họa phẩm không hề là tranh đồ. Nhận ra trong ấy rõ hình thù này nọ chưa đủ. Nếu là tranh đồ thì ai cũng có thể làm hội họa được. Chỉ cần vẽ cho cầu kỳ rắc rối và làm sẵn một bài giảng là thành công rồi sao?

Nếu anh vẽ mà cố tình theo một trường nào sẽ không bao giờ anh thành công, bởi vì, người họa sĩ trước hết phải cảm như thế nào đã. Chỉ sau khi tác phẩm thành hình rồi người đời mới phân loại ra mà thôi. Như Picasso giải thích khi ông vẽ lập thể: Chúng tôi không hề có ý định tạo ra trường lập thể mà chỉ diễn tả những cái trong chúng tôi.

Tôi thấy có người trước một bức tranh dù chưa biết thể nào đã thích ngay. Nếu hỏi cũng không biết sao mà nói. Đó là cảm xúc đầu tiên, như khi ta yêu một người đàn bà mới gặp. Có người phải đợi một thời gian mới thấy thấm. Nếu anh nói: tôi không thích bức này bức kia là quyền của anh.



Trong bài này tôi đề cập phần lớn tới rung cảm của người vẽ và người thưởng ngoạn. Nội dung, đề tài, kỹ thuật được nhắc đến ít. Đây là những điều có thể phân tách được bằng lý trí.

Tôi muốn nói đến phần siêu hình hơn, như trực giác mà ở đây sự nhận thức qua cảm quan là những thứ được nhắc nhở.

Có thể kết bằng lời tuyên bố của một họa sĩ danh tiếng trời Âu:

Sự đáng kể ở nghệ thuật là điều mà người ta không thể giải nghĩa được.

Tôi nói thêm: *Với nghệ thuật, không có giải thích.*

DUY THANH

NGƯỜI BỎ QUÊN

NGƯỜI SÔNG THƯỜNG

*H*iền và Dũng vui vẻ bước ra khỏi cửa hiệu, mỗi người ôm một gói đồ lớn. Hai cô cháu dừng lại một giây trên hè đại lộ. Sau hơn một tiếng đồng hồ chọn lựa hàng trong tiệm, mắt họ bỗng ngỡ trước những tia nắng chói của mặt trời.

Chùng còn thắc mắc điều gì, Dũng ngẩng mặt lên hỏi cô nó:

– Cô chắc không quên một thứ gì chứ?

Hiền dịu dàng:

– Đủ rồi cháu ạ. Nào phải sắm sửa nhiều

nhận gì mà quên. Có cái áo đi mưa là hệ trọng hơn cả thì đã mua ngay từ đầu rồi. Cháu tôi cẩn thận quá. Làm như đi ngoại quốc chẳng bằng!...

Lúc ấy đã gần 5 giờ chiều rồi mà trời vẫn oi bức. Đô thành uể oải, mệt nhọc. Đã mấy hôm liền mây đen vẫn chuyển, trời tẩm tức muốn mưa mà vẫn chưa rơi được hạt nước nào.

Dững nhìn đám mây đen vắt ngang vòm cây trước mặt than phiền:

– Chán thật! Năm nay cháu được nghỉ lễ Phục Sinh muộn quá nhằm đúng vào đầu mùa mưa cơ chứ!

– Năm nào chẳng thế cháu.

– Thế cô không nhớ cái năm kia ấy có mưa đâu nào?

– Có lẽ. Nhưng cũng không sao cháu ạ. Mưa thì mưa, mình đi nghỉ mát cứ đi. Càng mát chứ sao!

Hai cô cháu bước đều trên lề đường. Chẳng mấy lúc không ai bảo ai họ đi nhanh như người đi bộ thi. Dũng cầm tay cô nó vung vẩy. Tà áo màu của Hiền tung bay quăn cả vào cổ, vào vai Dũng. Khoái chí, Dũng vung vẩy tay mạnh hơn nữa, như thế nó chơi dung giăng dung dẻ với cô nó ở giữa phố. Hiền phải gỡ mãi tà áo xuống:

– Thôi chúng mình đi chậm chậm chứ kéo mệt cháu ạ.

Dũng nhìn cô nó âu yếm. Chợt nó nhớ ra:

– Cái áo mưa của cháu vừa quá cô ạ. Mà cái áo mưa của cô lại vừa hơn. Cô khéo chọn thật: màu đẹp này, kiểu mới này, lại bó sát lấy người, trông như đầm ấy!

Hiền bật cười:

– Cháu chỉ nói chuyện lẩn thẩn thôi. Cái áo mưa là để che mưa chứ đẹp để gì.

Trả lời cháu, Hiền bỗng cảm thấy vui vui. Nhớ lại lúc thử áo, cô hàng đã kín đáo khen cái

thân thể gọn thon của mình, nàng hãy còn thấy
ấm đôi gò má. Dũng không để cho cô nó say sưa
với cái cảm giác hồi tưởng đó. Nó kêu lên:

– Thôi chết rồi, cô ơi!

Hiền giật mình đứng lại:

– Cái gì thế cháu?

Dũng trợn tròn con mắt:

– Cô quên không mua quần áo tắm cho cô
rồi! Hôm qua cô chẳng bảo cháu rằng lúc ở Đà
Lạt về sẽ ghé qua Nha Trang vài hôm hay sao?

Hiền đủng đỉnh:

– Cô không quên đâu cháu ạ. Cô muốn hà
tiện được món nào hay món ấy. Năm nay buôn
bán không được như năm ngoái. Vả lại quần áo
tắm cũ của cô hãy còn dùng được.

– Cháu sợ cô mặc chật. Mấy năm rồi còn gì?

Hiền cúi xuống tát yêu vào má cháu:

– Cháu tôi yêu tôi quá.

Giọng nàng trở nên xa xôi hơn:

– Cháu làm như cô còn 18 hay 20 mà mỗi năm một nhón ấy!...

Và đôi lông mày nàng dúu lại. Có lẽ Hiền nghĩ tới cái tuổi một ngày một cao của nàng. Một lúc, nàng sợ không dám tính toán nữa.

Dững vẫn theo đuổi dòng ý nghĩ riêng của nó:

– Nhưng mà này cô ạ! Sao cô không cho cháu về Huế? Cháu chưa được biết quê hương bao giờ!

Hiền chậm rãi trả lời cháu, giọng u buồn:

– Có còn nhà cửa với thân thích đâu nữa mà về hử cháu?

– Cháu tưởng...

Nghe tiếng thở dài nhè nhẹ của cô nó, Dũng vừa sợ lại vừa thương hại không dám nói hết câu. Nó còn nhớ rõ đã nhiều lần cô nó khóc trong những trường hợp tương tự, nhất là mỗi khi năm thì mười họa có bác Tuấn đến chơi nhà vào một buổi chiều để rồi hôm sau lại ra đi sớm.

Thế là những thắc mắc của nó đành chỉ được thỏa mãn nửa chừng. Nó chỉ được biết lơ mờ rằng nó sinh ra ở Sài Gòn hồi còn rất thừa người và màu súng đạn, cứ theo lời U già kể cho nó hay. Mẹ nó mất từ khi nó lọt lòng và cha nó đi xa, xa lắm, không biết đến bao giờ mới về. Thằng hoặc đánh bạo nó có hỏi cô nó xem cha nó đi đâu, làm gì, thì Hiền cũng chỉ trả lời quanh hoặc gạt đi mà thôi. Cho đến nay nó vẫn không được biết thêm một người bà con, họ hàng nào ngoài cô nó ra và một U già đồng hương. Có lần U già đã tóc mách mà kể với nó rằng: “cái người của cô nó ấy đã chết lâu năm trong nhà khám rồi”. Nó muốn hỏi thêm cho rõ nhưng rồi tuyệt nhiên U già không bao giờ trở lại vấn đề ấy nữa. Một thời, cô cháu nó sống rất lao đao khổ sở. Cô nó ban ngày phải đi làm thuê cho một tiệm lớn ở Đô thành, tối về

lại đi làm thêm ở một chỗ khác. Cũng may là đã hai ba năm nay, gặp vận làm ăn khá, cô nó mua được một cửa hàng bán sách báo và vật liệu văn phòng. Từ đó cô nó ít ra ngoài hơn.

Hai cô cháu đã bước chậm lại từ lúc nào không hay. Bàn tay Dũng tuột khỏi bàn tay Hiền, rơi thõng xuống:

– Thế cô đi với cháu thì tiệm phải đóng cửa chứ cô?

– Đóng cũng được, không cần lắm cháu ạ. Đã có U già trông nhà. Vả lại mùa này, lại gặp dịp lễ Phục sinh, người ta đi nghỉ mát vẫn cũng chẳng có mấy người mua sách báo.

Dũng nhận xét tiếp:

– Mà cô nói đúng thật. Cháu cũng thấy phố xá thưa hẳn người đi, không nhộn nhịp như tháng trước. Kể ra bây giờ cô cháu mình đi cũng hơi muộn rồi. Lễ ra phải đi từ tuần trước. Cháu được nghỉ những nửa tháng cơ mà!

Hai cô cháu đã đi chậm hẳn lại. Ánh nắng dịu dần. Mây đen vẫn tiếp tục đùn lên ở chân trời. Dũng hỏi cô nó bằng một giọng ngập ngừng:

– Hôm nọ cô bảo cô đợi ai cùng đi cô nhỉ?

Nghe cháu hỏi khế lại nhân lúc có mấy chàng thanh niên công tử từ phía trước mặt đi lại chăm chú nhìn mình, Hiền trả vờ quay đi không đáp cháu. Dũng vốn quen với cái lối sống im lặng của cô nó cũng thôi không hỏi lại nữa mặc dầu nó ngờ rằng cô nó chưa nghe rõ câu hỏi của nó.

– Hiền! Hiền!

Nghe tiếng người gọi mình, Hiền đứng lại. Một người con gái từ bên kia đường tạt sang.

– À Dung! Tưởng là ai. Thế nào chưa đi nghỉ mát hay sao mà còn lẩn quẩn ở đây?

– Mình còn bận chút việc chưa đi được. Nhưng thế nào thì trong tuần lễ tới cũng phải xong ra mấy ngày mới được. Còn chị?

– Hiền có lẽ mai đi.

– Sao lại có lẽ? Và đi mấy người?

Hiền đánh trống lảng:

– Đạo này mệt quá.

Dung vẫn đùa:

– Trông chị « điển » thêm ra đấy nhé!

Hiền vừa bước đi vừa nói lại:

– Chỉ chuyện nhảm nhí thôi!

Từ biệt cô bạn đi được một quãng xa rồi, lòng Hiền vẫn còn rộn ràng vì những ý nghĩ bâng khuâng. Nàng lại bắt đầu bước nhanh hơn. Thấy Dũng đã đi tụt lại đằng sau, Hiền dừng lại đợi cháu. Dũng đã chạy vội lên. Hiền nắm lấy tay cháu lôi đi. Gối đồ trong tay Dũng rớt xuống. Hiền cúi xuống nhặt lên để vào nách cháu, dịu dàng:

– Cô xin lỗi cháu nhé.

Trời vẫn oi bức. Mây đen đã che kín nửa vòm trời. Đôi lúc một cơn gió lạnh nổi lên rồi lại tắt ngay. Hiền vuốt mấy sợi tóc vương trên gò má:

– Chúng mình đi tìm một hiệu bán kem vào giải khát đi!

Dũng nhảy lên vì sung sướng:

– Hoan hô cô Hiền! Hoan hô! Cháu cũng đang khát cháy cả cổ đi đây.

Hai cô cháu đã vào một tiệm giải khát đầu phố. Tìm một cái bàn chính dưới quạt máy, hai cô cháu để gói đồ sang một bên. Hiền xoa tay khoan khoái:

– Hôm nay đặc biệt cô cho cháu tự do muốn gọi thử gì thì gọi.

Dũng khoát tay hô to:

– Thế thì kem « ét ky mô » đây!

Dũng loay hoay bóc chiếc kem trên đĩa. Hiền vừa thoáng thấy bóng mình trong chiếc gương treo ở tường, phía xa. Vòng hai cánh tay ra đằng sau đầu, nàng vừa nắn lại mấy vành tóc uốn, vừa quay đi quay lại để ngắm dung nhan mình.

– Cô xơi gì ạ?

Hiền nhận ra nàng chưa gọi món gì cả, và người hầu bàn vẫn còn đang chờ lệnh nàng. Hiền ngồi ngay ngắn lại, buông đôi tay xuống:

– Cho tôi xin một ly nước cam vắt!

Khi cơn khát đã nguôi nhiều, Dũng lại bắt đầu gạ chuyện cô nó:

– Thế nào cô cũng phải cho cháu leo núi và tắm biển đấy.

– Cố nhiên rồi. Đi nghỉ mát mà.

– Cả chụp ảnh nữa. Cô với cháu bơi thi nhé.

– Chụp ảnh thì có, nhưng bơi thi thì còn tùy.

Một lúc sau nó hồn nhiên giả dụ:

– Giá có bác Tuấn cùng đi thì vui biết mấy cô nhỉ?

Hiền vẫn chăm chú nhìn cháu ăn kem, không trả lời. Hồi lâu nàng bảo cháu:

– Cháu đã nhớn, con trai 11 tuổi đầu rồi mà còn cứ quẩn lấy cô hoài, tồi quá!

Dũng nũng nịu:

– Cháu còn lâu nữa mới nhớn. Và cháu sẽ ở suốt đời với cô.

– Thôi đi ông tưởng. Rồi chẳng mấy tuổi nữa đã...

Giọng Hiền trở nên bí mật hơn:

– Thế ngộ nhờ cô phải đi xa khỏi đây thì cháu nghĩ sao?

Dũng không lưỡng lự:

– Cháu sẽ theo cô.

– Thế bỏ học à?

– Bỏ học cũng được! Miễn là cháu được đi xa, đi rõ xa như ba cháu ấy!

– Anh hùng nhỉ! Không khéo rồi mà cũng lại cách mạng sớm mất thôi!

– Cô nói cái gì, cháu chẳng hiểu.

Hiền đứng dậy trả tiền rồi giục cháu:

– Thôi ta đi về cháu ạ.

Hai cô cháu đến đầu phố:

– Giờ thì ta đi xe. Cho cháu chọn muốn đi thứ xe nào cũng được

Dũng reo lên:

– Thế thì phải đi xích lô (cyclo) máy mới được!

Hiền cũng reo lên:

– Đồng ý!

Chiếc xe máy chạy như bay trên đại lộ vắng người. Chiều đã tà hẳn. Những đám mây đen đã phủ gần kín trời. Hơi mát đã bắt đầu nổi dậy đều đều lẫn hơi nóng.

Ngồi trên xe, Hiền lim dim con mắt tận hưởng cái cảm giác khắc khổ nhưng êm đềm của những mớ tóc xõa hòa cùng hơi gió đập mạnh vào môi vào mắt nàng. Dũng cũng dẫm chân sầm sầm lên thùng xe khoái chí:

– Mưa đến nơi rồi! Hay quá!

Chiếc xe queo vào một đường phố nhỏ rồi dừng trước một ngôi nhà đã đóng cửa chỉ còn để hé một cánh. U già chạy vội ra đón mang hai gói đồ vào. Dũng chạy vội lên lầu vì nó vừa sức nhớ ra một việc cần kíp phải làm. U già đã quay ra đón Hiền:

– Cô vào mau không mưa cô ạ!

Hai người đi vào nhà. U già cài nốt cánh cửa nói với Hiền:

– Thế nào, cô sắm sửa xong xuôi cả rồi chứ?

Hiền vừa lấy khăn mặt ướt lau mặt vừa trả lời:

– Đắt lắm U ạ, mà khó mua chứ có dễ đâu.

U già đang đi vào phía nhà trong bỗng dừng lại:

– Lúc cô đi khỏi, có một người lại đem cho cô một phong thư.

– Ai thế U?

– Người còn lạ mặt, chưa thấy đến nhà ta lần nào.

Nghe nói hai tiếng lạ mặt, Hiền sửng sốt:

– Thế à! Thư đâu?

– Cháu để trên mặt tủ nhà trong ấy.

Hiền chạy vội vào nhà trong, xé thư ra đọc.
Vẻ mặt nàng phân vân buồn:

– Hình dáng người ấy như thế nào?

– Cao nhón. Luống tuổi. Nước da ngăm
ngăm đen,

Hiền đọc lại thư một lần thứ hai.

– Sao U không giữ người ta lại.

– Ông ấy bảo vội lắm, chỉ về qua đây có mấy
tiếng đồng hồ rồi lại phải đi ngay.

Đến đây U già thôi dọn dẹp, tiến lại gần Hiền
thủ thủ:

– Thư của ai đấy cô? Có phải của ông Tuấn
không?

– Phải.

– Ông Tuấn có về chơi không cô?

– Không.

– Ông Tuấn không sao đấy chứ cô?

– Không sao cả.

– Thế mai cô vẫn đi chứ?

Hiền đứng bần thần không trả lời. Mưa đã rơi nặng hạt ở ngoài trời. Dũng ở trên lầu đi xuống tay cầm một cuốn sách tranh ảnh:

– Suýt nữa quên cô ạ. Cháu đã định ninh là đem quyển này đi xem trong lúc nghỉ mát cho đỡ buồn,

Hiền vẫn cầm lá thư bất động ở trong tay, thấy Dũng, trách:

– Tưởng cậu cũng quên tôi nốt?

Dũng dịu dàng tiến lại phía cô nó:

– Cô làm sao thế?

– Không!

U già cũng xen vào:

- Thôi mời cô đi thay quần áo rồi xới cơm.
- Mặc tôi..

Dũng đề nghị:

- Hay là cô cảm nắng. Để lấy nước mưa và bột sắn cô dùng nhé?
- Vô ích!
- Cô đã xoa dầu chưa?
- Làm sao mà phải xoa dầu.

Rồi Hiền lừ lừ đi ra nhà ngoài, Dũng và U già theo sau. Hiền đã tiến đến phía cửa.

Dũng kêu lên:

- Cô Hiền! Cô đi đâu đấy. Trời đang mưa dữ mà.

Hiền cúi:

- Cái thằng này lạ thật mà cứ hỏi vặn tao hoài.

U già cũng phải can thiệp:

– Nhưng mà cô không thấy mưa như trút nước đó sao?

– Mưa càng mát. Việc gì đến U.

Hiền đã kéo cái then cửa. Gió thổi bật toang cánh cửa, mưa lùa vào nhà như nước suối.

Bổng Dũng nhận ra kêu lên:

– Cô Hiền! Cô quên không đem áo đi mưa rồi.

Tiếng nó át trong tiếng mưa và bóng Hiền cũng vừa mờ xóa sau màn nước.

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

VÀI ĐIỂM GỢI Ý VỀ THƠ TỰ DO

TRẦN THANH HIỆP

*T*hêm một lần nữa tôi trở lại vấn đề thơ tự do. Tuy nhiên câu chuyện sẽ mang không những ồn ào của tranh chấp ảnh hưởng và địa vị trên văn đàn. Công việc ấy không cần thiết đối với tôi mà cũng không là một lý do chánh đáng để có thể làm mất thì giờ của bạn đọc. Nhưng chẳng lẽ đành lòng để cho một vài ý niệm rất đơn giản, sơ đẳng về thi ca, một vài tâm trạng đố kỵ, ít nhiều thiên kiến thiếu tinh thần vô tư, ngang nhiên tác hại công việc phê bình văn nghệ ở đây sao? Vả chẳng còn phải vọng hồi âm tới những đòi hỏi của các bạn yêu thơ tha thiết ưu tư về trình độ thưởng ngoạn của mình. Trong cả hai trường hợp, im lặng có nghĩa như một thiếu sót đáng tiếc.

Tôi không phủ nhận rằng thơ tự do đã xuất hiện trên thi đàn Việt Nam như một người khách lạ hoặc thiếu tình đồng cảm hoặc không cởi mở – điều đã làm cho thơ tự do mang tiếng « tầm tối » « bí hiểm » – khiến buổi sơ ngộ không được nhiều vẻ thẩm thiết. Vì những lý do chủ quan, của nó, mà tôi sẽ trình bày sau. Thơ tự do tất nhiên phải chịu đựng những thái độ tiếp nhận bỡ ngỡ như vậy. Song những lý do khách quan còn làm cho Thơ tự do thêm tăm tối.

Nhiều người khi phê bình thơ tự do, đã trực tiếp hay gián tiếp thú nhận sự bất lực của họ trong việc khám phá lối thơ này. Sự kiện ấy không khó hiểu và không đáng trách lắm. Nhưng việc họ đã nhanh trí gán cho những người làm thơ tự do cái tội lập dị, để tự biện hộ, là một ác ý, không đưa tới kết quả đáng kể nào cả. Giả thử có trả lời họ bằng một quan điểm của nhà thơ Pháp Mallarmé: « *Phải chỉ dẫn lại cho họ cách đọc* » (il faut leur reapprendre a lire) thì cũng chỉ mới chiêu được lòng tự ái cá nhân mà thôi. Tôi nghĩ rằng chúng ta

cần phải làm những công việc khác hữu ích hơn, về phía người sáng tác cũng như về phía người thưởng ngoạn. Vẫn hiểu biết sâu rộng trước khi nghiêm khắc phê bình thơ tự do, tôi không có ý định giải quyết trọn vẹn, dứt khoát vấn đề, ngay lúc này hẳn còn quá sớm. Tôi chỉ nêu lên một vài điểm gợi ý.

ĐIỂM KHỞI HÀNH

Đã từ lâu chúng ta thường ao ước xây dựng một nền văn nghệ mới, nghĩa là có những hành động sáng tạo. Mà sáng tạo bao giờ cũng bắt nguồn từ tái tạo. Hãy giới hạn vấn đề của chúng ta trong phạm vi thi ca.

Tôi xin đề sang một bên những thi phẩm đã chiếm được những địa vị vững chắc, dù sáng tác trong khuôn khổ đường – thi, lục bát hay song thất lục bát v. v... Nghi ngờ giá trị của những thi phẩm ấy chỉ là nông cuồng mà thôi. Nhưng chúng ta có thể tự hỏi hình thức của thi ca phải chẳng đã ngưng đọng lại trong mấy công thức sẵn có? Như vậy sự tiến hóa của thi ca chỉ thể hiện riêng bằng

nội dung thôi hay sao? – Không! Nội dung và hình thức bao giờ cũng liên quan chặt chẽ và hỗ tương quyết định. Nếu tâm trạng con người đã biến đổi theo Không, Thời, tất nhiên tâm trạng ấy cũng đòi hỏi những hình thức biểu hiện mới. Đó là bước đi của tiến hóa...

Lúc này tôi nghĩ đến cả một quãng đường dài mà các nhà thơ Việt Nam đã trải qua suốt hơn hai mươi năm nay. Quãng đường ấy vừa đủ cho chúng ta vẽ một đường cong biểu hiện toán học cái quá trình tiến triển của trường thơ mới Việt Nam từ giai đoạn phôi thai qua giai đoạn cực thịnh cho đến giai đoạn tàn tạ. Nếu dựa vào quan điểm cho rằng kỹ thuật tượng trưng đã chi phối nghệ thuật thi ca Tây phương hiện đại, chúng ta có thể đặt Nguyễn Xuân Sanh trên đỉnh cao của đường cong để chứng kiến phút chào đời và phút hấp hối của lối thơ được mệnh danh là thơ mới. Xin đừng vội cho tôi là quá dút khoát. Ngay lúc này chưa ai tỏ ra đủ bản lĩnh thay thế một Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương v. v... kể cả chính họ nữa! Mà vấn

đề lại cũng không cần thiết đặt ra theo hướng đó. Ý thức Việt Nam, xã hội Việt Nam hậu bán thế kỷ thứ 20 đã biến đổi. Không ai còn phải đi những bước giạt lùi...

Nhất định phải vạch một con đường tiến mới cho thi ca Việt Nam. Bởi thế tất cả mọi khó khăn đều tập trung vào cuộc vật lộn thoát ly những công thức cũ. Người thơ trong cuộc vật lộn này đã đau đớn thét lên như một ngòi pháo tự hoại:

*Đau như thú dữ cháy rừng
Ta đập tan hình hài và thức giấc.*

Nhưng khởi hành từ đâu? Chọn cá nhân mình làm xuất phát điểm hay nương theo ai? Trước mê cung của hiện tại, không có thái độ nào xứng đáng hơn thái độ trở về nguồn bắt gặp tiếng nói kỳ diệu muôn thuở của thi ca thuần túy, thái độ của Gothe, Schiller, Shakespeare, Milton, Beaudelaire, Mallarmé, Verlaine, Whitman, Eluard, Tagore v. v... Vì chỉ có thi ca thuần túy mới loại trừ được những nền thi ca công thức: công thức của lý trí, của kỹ thuật của tập tục v. v... « *Kể*

thứ nhất ví người đẹp với hoa hồng là một thi sĩ. Kẻ thứ hai ví người đẹp với hoa hồng là một thằng hề. » Lời phê bình này tuy hơi khe khắt nhưng là một tiêu chuẩn rõ rệt khả dĩ giúp chúng ta thấu hiểu giá trị các thi sĩ. Hồn thơ không vay mượn, không giả tạo, chỉ phát khởi từ những rung động chân thành, độc đáo, đầy nhiệt hứng. Điều đáng kể ở một nhà thơ không là những tư tưởng mà là những kinh nghiệm đã sống phong phú với những tin tưởng ấy, không là những điều tin tưởng mà là phương thức theo đó thi nhân tin tưởng và diễn tả tin tưởng. Nhiệm vụ của nhà thơ không phải là chỉ trực cảm những trạng thái thơ (état poétique) – Đó là công việc riêng của từng người – mà là tạo nên những thi trạng trong tâm hồn người khác.

Trở về với thi ca thuần túy, thơ tự do đã chối bỏ không ít thi phẩm công thức hiện tại, đã xa cách nhiều nhà thơ khô cạn công thức, hủy hoại thi ca để biến thành tù nhân của hình ảnh chế tạo, của vần và của điệu. Thơ tự do cô độc hay đúng hơn, độc đáo, vì điểm khởi hành của nó.

THƠ TỰ DO VIỆT NAM?

Có người dựa vào tính tự tự do để chủ trương thơ tự do không phải tuân theo một nguyên tắc sáng tác nào mà vẫn không phải là một thể thơ hỗn loạn vì một bài thơ là một tổng hợp chứa đựng một vẻ đẹp, một hơi thơ không ở trong khuôn khổ cố định.

Bàn như vậy, vừa quá rộng lại vừa quá hẹp, không giải thích được một điều gì cả. Quá rộng bởi vì lời bàn ấy chỉ mang tính chất lý thuyết để phù hợp với chữ tự do mà thôi. Các nhà phê bình, thẩm mỹ học, văn học đều xác nhận rằng mỗi ngành của văn nghệ đều bị chi phối bởi những nguyên lý riêng, tuy chúng liên quan mật thiết với nhau.

Các môn phái văn nghệ cũng vậy. Bao giờ cũng được dựng lên từ những căn bản lý thuyết rõ rệt. Quá hẹp bởi vì lời bàn ấy lại phù hợp với tất cả mọi thể thơ. Bài thơ nào cũng là một tổng hợp, trừ bài thơ dở.

Lại có người lớn tiếng trách rằng thơ tự do là một sản phẩm của xã hội Tây phương nhập cảng vào Việt Nam. Chúng ta không thể không công nhận một sự thật: Văn hóa Tây phương đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống chúng ta. Chỉ cần tìm xem chúng ta có đủ bản lĩnh chế hóa văn hóa Tây phương để tự bồi dưỡng hay không mà thôi.

Trở lại vấn đề thơ tự do Việt Nam với thơ tự do Tây phương. Trên hình thức bố cục người ta có thể tìm thấy những điểm tương đồng. Nhưng vận dụng triệt để những đặc tính của Việt ngữ, thơ tự do Việt đã có một cá tính riêng biệt, khác hẳn với thơ tự do Tây phương.

Thi pháp Tây phương, đòi hỏi sự có mặt của nhiều loại tự phụ trợ (liên tự, giới tự, trạng tự, mạo tự) có thể không cần thiết đối với thi pháp Việt. Hãy tìm một thí dụ:

... Tôi chờ đợi

cười lên sặc sỡ

la qua mái ngói

thành phố ruộng đồng đã bén hơi

bấu lấy tim tôi

thành hơi thở...

Thanh Tâm Tuyền

Người ta liên tưởng đến kỹ thuật tính lược
những loại tự phụ của ca dao:

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ

Buồn trông con nhện chăng tơ v. v.

Nếu nghệ thuật thi ca cần những tính lược
như trên để âm điệu có nhiều tính chất phù chú
thì Việt ngữ đã có một ưu thế rõ rệt. Từ đó, đồng
nhất hóa thơ tự do Việt Nam với thơ tự do Tây
phương là một điều lầm lẫn gây nên bởi sự không
hiểu biết cả hai loại thơ; nó là một lời buộc tội vu
vơ, mò mẫm.

Nên dưới đây nếu tôi có bàn đến một vài
nguyên tắc đã được dùng làm căn bản cho kỹ

thuật cấu thành thơ tự do Việt Nam quả thật, không phải đã có khuynh hướng độc tài, biệt phái như một vài người lầm tưởng.

KỸ THUẬT THƠ TỰ DO VIỆT NAM

Điều cần nói ngay là những nguyên tắc sắp kể tới không hề là một khám phá của riêng ai; mà đã được rút ra từ những thi phẩm đã hoàn thành.

a) Từ khúc bản vị: Khác với các thể thơ khác bản vị – ý tưởng và tiết điệu — của thơ tự do không đặt trên mỗi câu thơ mà đặt trên từ khúc (strophe), không cố định theo cảm hứng. Tất cả mọi nhân tố cấu thành của thơ hình ảnh, nhịp điệu, thi tứ v. v... rải rác khắp từ khúc sẽ mang lại cho từ khúc một ý thơ thống nhất. Cơ cấu đặc biệt này tạo nên nhiều phản quả đặc biệt ly khai thành những nguyên tắc biệt lập.

b) Liên ảnh gián tục: Chính để chế ngự sức chi phối của lý trí mà thi ca thuần túy tránh giảng giải, luận bàn mà chỉ nói bằng hình ảnh. Có hai việc khó khăn: Kết hợp hình ảnh riêng

biệt và liên kết hình ảnh thành từ khúc thống nhất. Giữa những hình ảnh, không có liên tục của luận lý của khoa học mà có những gián tục của thi ca. Dưới con mắt nhà thơ, ngoại cảnh chỉ là những ký hiệu mà tâm hồn phải chiếu rọi vào đó những ánh sáng chủ quan để giải thích, xếp đặt. Trí tưởng tượng đặc biệt của thi nhân, một thứ linh cảm kỳ diệu sẽ khéo léo tạo nên một ma lực ám thị đưa tới một thế giới chứa đựng cả chủ thể lẫn khách thể, trùng khít thi nhân với ngoại cảnh. Những kẻ hờ ầy thoát đầu làm cho thơ tự do có vẻ tầm tối, bí hiểm, nếu được thống nhất sẽ gây được những thi trạng hào hứng. (Xem thêm bài: « *Trèo lên cây bưởi hái hoa* » – Thanh Tâm Tuyền – Sáng Tạo Số 7).

c) *Tiếng thơ*: Mặc dầu đặt bản vị trên từ khúc, thơ tự do vẫn đòi hỏi những lựa chọn tinh tế trong việc sử dụng các tiếng và rất thận trọng ở việc tạo cấu. Âu cũng là điều tất nhiên. Ở những thể thơ có khuôn khổ nhất định, các niêm luật đã giải quyết xong được một phần rồi. Trong lối « thơ mới » luật « đối thanh » đã bảo đảm tính chất

thơ cho câu thơ, Nhưng ở thể thơ tự do, chối bỏ cả niêm luật, cả luật « đối thanh » của thơ mới, công việc trở nên nặng nhọc hơn, vì gang tấc sẽ bước sang văn xuôi. Bởi vậy thơ tự do khai thác triệt để khả năng nhiệm màu của tiếng nói. Mỗi tiếng nói, phải giữ một địa vị xứng đáng, tùy theo độ cao, trường độ, âm thể, tượng hình, nhất là hiệu lực ám thị (pouvoir suggestif) của nó. Thơ tự do không kể lẽ mà chỉ ám thị. Cho nên có lúc một tiếng có thể đứng một mình mà sức tác động không thua kém một câu.

Cũng nên bàn đến mỗi câu thơ trong từ khúc. Nhiều người thường nghĩ rằng làm thơ tự do là có thể viết câu dài ngắn bừa bãi. Từ bỏ sự bảo đảm của niêm luật, câu thơ tự do là một lối diễn tả đặc biệt cắt xén vừa một hình ảnh trọn vẹn hay một nhịp ý, nhịp tình, nó buộc người đọc phải từ bỏ lối diễn tả thông thường mà nhận lối diễn tả của thi ca. Trong mỗi câu văn xuôi hay câu nói chuyện thông thường chỉ có mấy tiếng, thường là danh từ và động từ, cần được lưu ý. Người làm thơ tự do đã gắng vượt một trở lực để đưa mọi

tiếng trong câu thơ tự do những « tiếng thơ » lên những địa vị quan trọng ngang nhau, và càng lược bỏ được nhiều tiếng phụ tự càng hay.

d) Vần lẫn: Một khi đã chọn từ khúc những triệu chứng của một sự xếp đặt sẵn – những tiếng tương ứng của âm vận – để từ khúc giữ được vẻ thuần nhất trọn vẹn. Vần chỉ còn là những sự gặp gỡ tình cờ, ý nhị, huyền ảo rải rác khắp từ khúc tùy cảm hứng, tùy đòi hỏi cân bằng của bố cục mà thôi, không cần phải biểu minh một cách hiển nhiên và chặt chẽ...

Những ý niệm trên, chúng ta có thể vạch rõ đường ranh giới giữa thơ phá thể và thơ tự do. Lối thơ phá thể thành hình với Thế Lữ và hiện nay rất thịnh hành chỉ là một chấp nối của nhiều nhịp điệu cũ. Nó không thể được ngộ nhận là thơ tự do bởi lẽ nó chưa thoát ly khỏi những cùm xích của lối « thơ mới » nay đã thành cũ.

Tôi không quên nhắc đến trường hợp của « thơ xuôi » (*poésie en prose*) một cực điểm của thơ tự do. Đó là một thể thơ không bố cục giống

một bài thơ mà lại giống một bài văn xuôi. Tuy nhiên nó phải chứa đựng những rung cảm cô đọng của thi hứng, sức truyền cảm phong phú của thi nhiệt và tiết điệu phù chú của thi ca. Nhưng bài thơ xuôi nổi danh của Whitman, Tagore đã chứng minh rằng thơ không phải chỉ là vần và điệu.

THƠ TỰ DO VIỆT NAM LÀ LÝ THUYẾT HAY THỰC TẠI?

Trong nhiều lần lên tiếng trước, tôi đã muốn tránh không bàn tới điểm này sợ rằng bị coi là thiếu tinh thần khách quan. Nhưng theo một vài người, thơ tự do Việt Nam chỉ mới là lý thuyết.

Tôi không khẳng định rằng thơ tự do Việt Nam đã đạt tới giá trị tuyệt đối của nó. Những kẻ mới lên đường không bao giờ muốn đã tới đích ngay tức khắc. Nhưng tôi muốn đòi hỏi cho các nhà thơ tự do Việt Nam những sự đối xử công bình.

Tại sao người ta không thể nhận được những
thơ tự do đã thực tế xuất hiện:

Chúng tôi còn sống như mặt biển

Chúng tôi còn sống như trời mây

Bởi vì đã đi nên sẽ đến

Người và bóng tối sẽ chia tay

Ở ngã ba tương lai gần gũi

Người còn sống không che mặt mũi

Phơi bày tấm lòng lên nụ cười

Tô Thùy Yên

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống

Mà dựng tình yêu thành thế giới

Cấy những vì sao lên mình trời

Hát nghìn năm biển đầy vĩnh viễn,

Lại thấy con đường yên lặng những đỉnh cây xanh

Và những ngón tay trên phiến dương cầm.

136 | Sáng Tạo số 8 _ 05.1957

Đôi guốc mộc căn phòng trừu tượng.

Nhị

Triệu con chim nhỏ bay vào hồn tôi

Mang trọn trời xanh qua cửa mắt

..... Nghe thời gian ngừng đọng

Tôi khép kín hàng mi

Chúng ngủ rồi

Người Sông Thương

Tôi sẽ sang thăm em

Để những mớ tóc màu củi chưa đun

Màu gỗ chưa ai ghép làm thuyền

Lùa vào nhau nhóm lửa

Tôi sẽ sang thăm em

Để những ánh mắt màu sao sáng tỏ

Hay đôi mắt màu thóc đang say

Màu vàng khô pha lẫn sắc nâu gầy

Đừng nhớ những ngày còn là lúa

Để lệ trắng như gạo mềm rơi trên tay

Nguyễn Sa

Giữa lòng thế kỷ hoa cười bỏ ngõ...

Hoàng hôn chết bình minh về cửa sổ

Tôi sống rồi, tôi tự tử hôm qua

Vương Tân

*Lỡ một ngày mai tôi chết trần truồng không cơm
áo*

Thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng sao

Để nhìn các anh

Như vừa gặp buổi hôm nào

Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo

Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo.

Quách Thoại

Thơ tự do Việt Nam đã thành hình rõ rệt, đang lớn mạnh một cách hiển nhiên. Không muốn biết đến nó chỉ là vì lý do cá nhân, miễn bàn ở đây.

o O o

Chấm hết mấy điểm gợi ý tôi tin tưởng rằng sau khi đã có thử thách, thời gian sẽ trợ lực thơ tự do Việt Nam. Trong khi chờ đợi người ta có quyền phê bình thơ tự do theo sở thích. Nhưng không vì thế mà chúng ta có thể tự mãn với nền thi ca Việt Nam ốm yếu hiện tại. Thí nghiệm thơ tự do có thể coi như thất bại nếu người ta chứng tỏ có những lỗi thơ xứng đáng hơn, đủ uy lực phô diễn tâm trạng của thời đại, tham dự cuộc chiến đấu của dân tộc, của thế hệ mới.

Tôi chắc ít nhất những người thù ghét thơ tự do cũng phải nhận điều đó.

TRẦN THANH HIỆP

BÀI NGỢI CA TÌNH YÊU

ĐEN

Một người da đen một khúc hát đen

Bầu trời đen sâu không cùng

Những dòng nước mắt

Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng

Bằng giọng của máu của tủy của hờn bắt đầu ngày tháng

Giữa rừng không lối rừng mãi trống không

Ném mình ném đám đông vào trần truồng tủi cực hơn xác thịt

Tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai.

Tội rằng không quên chẳng thể được quên

Vì Blues không xanh vì điệu blues đen

140 | Sáng Tạo số 8 _ 05.1957

Trên màu da nức nở

Trong hộp đêm

*Bắt đầu chảy máu những thâm kín khóc cổ họng
mình*

Ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng

Chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dĩ tợn

Chọn thể giới va chạm những loài kim réo gọi

Thời gian mềm

Không gặp thời gian

Không gian quay thành những vòng kỷ niệm

Rồi một buổi nào blues hiện về xanh.

NHỮNG NGƯỜI GẶP MỘT LẦN

Tặng một người tự tử

Mang cơn giông trong một hồn đầy, những nhớ thương cùng dĩ vãng. Chiều thứ bảy cố nhớ thành phố tươi cười, vườn cây trái mường tràn sông, hoa diên cỏ dại.

Còn muốn sống như nguồn nước đổ, sao em trả lời bằng bệnh viện mắt kín mưa đêm?

Người ta muốn thay đổi. Từ một giọt đất nông lên nhựa cây lên mật hoa. Từ một quặng tối tăm thành con chim trên ngực áo, ở đây tiếng đập tim và hơi thở quyến luyến cho đẹp những ảnh hình ôm ấp đắm say mái tóc. Cuộc đời là một đứa trẻ con bị hắt hủi, Đứa trẻ con bị hắt hủi sẽ lớn lên và người ta cần thay đổi.

Trong cảnh tang của Chết — người tình lạnh lùng bí mật như đêm khuya — em ngã vào để thay đổi dù biết mình nhảy qua hai bờ vực không.

Một thi sĩ nào đã nhủ: khi đặt một bàn tay vào lòng một bàn tay thì hai bàn tay đã thay đổi (nhưng đừng là bàn tay lạnh giá. Chết)

*Giữa sống và mình, giữa chết và mình không
ngăn cách, đừng tìm kiếm. Đi vào đám đông, ngủ
cô đơn trên giường bệnh hay sẽ nằm mãi mãi ngoài
nghĩa địa vẫn chẳng có gì khác lạ.*

*Đứa trẻ bị hắt hủi đòi được dong chơi hè phố
cùng người thân hay nằm giữa cánh đồng đêm sao
mùa hè mà ngó.*

*Chân lý ngây thơ là đứa trẻ đặt trái tim lên
bàn tay ngửa và muốn mọi người bắt chước.*

*Hơi thở sẽ thay đổi hơi thở — đừng cho kẻ tình
địch lạnh lùng bí mật như đêm khuya kia lén vào
— định luật tự nhiên êm như một hơi thở ấm đầu
tiên trở lại.*

BÀI NGỢI CA TÌNH YÊU

Mỗi ngọn tóc một tiếng

Vùng trán trong như trang bản thảo

Mỗi ngón tay một động từ

Hồn nhiên

Cuộc đời như thế không che dấu

Mãi mãi

Môi em chưa bao giờ hôn

Đêm mới lạ đêm đầu tiên của người

Đứng trên đất mẹ hồng sau lưng nền trời xanh

*Con đường khép lại và mở lên những mắt nhìn âu
yếm*

*Những giấc mơ — hôm qua là phá hủy — hôm
nay là ngày mai*

Nhỏ như con tim đôi mắt đen chớp lệ

Nhỏ như hơi thở trong một ngực tình cờ

Hung thần chạy trốn

Hào quang trên môi hôn

Lời nhiệm màu tác phẩm.

THANH TÂM TUYỀN

VỀ MỘT ÁNH NẮNG

TÔ KIỀU NGÂN

Bích Hà mến,

Anh muốn viết cho Bích Hà về một ánh nắng – Một buổi trưa – Một buổi trưa trong vườn – Có thể là một buổi trưa mùa Hạ mà cũng có thể là một buổi trưa mùa Thu. Miễn là có nắng. Nắng không gắt lắm nhưng đủ để giát vàng lên mặt cỏ, nhuộm lá cây màu lục đậm thành ra màu hoa lý; choàng ấp hàng đậu mỏng và loang lỗ trên những thân cây mốc bạc trắng trong vườn.

Đã mười năm rồi, mỗi lần cầm bút viết truyện anh lại muốn tả cảnh một buổi trưa như thế. Một buổi trưa rất trong lành, nhẹ nhàng, hiền hòa, êm ái. Buổi trưa trong khu vườn nhỏ nơi quê hương yêu mến của chúng mình, nơi anh đã từng nằm dài trong vũng bóng dưới những tàn cây, gối đầu lên cỏ biếc, ngửa mặt nhìn trời đang hiện ra từng

mảnh nhỏ xanh lơ qua lá cành. Anh đã nằm yên như thế hàng giờ trong một dáng điệu thoải mái để phân chất từng mùi hương. Lá cỏ thơm. Hoa bưởi rụng. Mùi đất ẩm. Hương hoa bưởi tản mạn trong gió, nhẹ nhàng nhưng mà ngậy ngất quyến với hương cau. Trong từng thước khối không khí, chỗ nào cũng thơm lừng mùi hương quê quyến rũ này. Hoa bưởi đã thơm mà lá bưởi cũng thơm. Cả đến những lá cỏ mực, cỏ cú, mỗi thứ cũng thơm một mùi thơm đặc biệt. Rồi anh lắng nghe. Từ đồng xa vọng lại tiếng sáo diều vi vút. Đây đây một khúc địch thoảng lên. Người thổi không theo một bài bản nào nhất định nhưng những âm thanh lú lo, trong vắt không đâu vào đâu ấy như rót vào không gian nghe đến hay, dễ ru mình vào giấc ngủ thiu thiu. Nhưng mà không bao giờ ngủ để còn lắng nghe tiếng chày giã gạo nhịp nhàng từ một xóm vắng. Tiếng chày thỉnh thoảng, đều đều kéo dài những điệp khúc buồn buồn. Rồi tiếng hò ru em rời rạc, xa vắng dâng lên cùng một lúc với tiếng kéo kệt của bốn tao nô. Lại tiếng hò ô đập nước ngoài đồng mà giá bao la vừa gửi lại. Tiếng hò cao vút không biết

dấy lên từ một nơi nào nhất định, chỉ biết là tiếng hò đồng vọng khắp trong cái rộng lớn của ruộng đồng chang chói nắng vàng. Tất cả các giác quan cùng được dịp làm việc một lúc, cái lúc đáng lẽ chỉ dành cho yên tĩnh. Hoa bưởi vẫn thơm – Tiếng sáo diều vẫn vi vút. Tiếng chị ru em vẫn rã rời. Nhịp chày vẫn đều đặn buồn tênh – Nhìn chung quanh, nắng vàng vẫn đùa trên thảm cỏ. Những tầng xanh, rồi những tầng xanh, đậm nhạt, mờ ảo, mát rượi tâm hồn.

Mười năm nay, lúc nào cầm bút viết truyện anh cũng muốn tả một buổi trưa như thế. Có nhiều lần anh cho nhân vật trong truyện của mình gặp nhau trong một khu vườn. Địa điểm là cái nơi có nhiều cây lá xanh um; có hoa bưởi, có tiếng hò ru em, chày giã gạo. Thời gian: một buổi trưa mùa Hạ hay khoảng giữa Ngọ mùa Thu. Anh thích viết về một buổi trưa nhưng rồi trong những truyện anh đã viết, cái buổi trưa đó không bao giờ được thể hiện thành những con chữ in ngòeng ngoè, đậm nét. Bởi vì truyện của anh đều toàn là những truyện bút rút, u tối, quẩn

quái. Khéo vận dụng ngòi bút đến đâu cũng khó mà cho xen vào những dòng tả cảnh một buổi trưa êm ái như mình vẫn thầm mong.

Hôm nay, anh lại viết về một ánh nắng trưa mùa Hạ, trong vườn, Anh sẽ viết nhiều, dồn tất cả say mê vào việc tả cái buổi trưa đó. Ngòi bút thoải mái sẽ gọi dậy những kỷ niệm. Nhất định lần này thế nào cũng viết xong.



Viết được mấy dòng thì mười một giờ — Giờ nhà thương mở cửa. Anh phải xếp giấy bút lại đẩy vào nhà thương thăm Hạnh. Hạnh bị mổ ở bụng dưới vì một cái thai khó sinh. Nhà thương cao hai ba tầng. Mùi ê-te — Những bọc nước đá. Bóng áo trắng phất phơ của những cô y tá — Những chiếc cà mèn — Những dây quần áo phơi đầy ngoài hiên. Những tấm khăn giải giường trắng toát rợn mình. Những bộ mặt lo lắng của thân nhân người bệnh thập thò ngoài cửa phòng cấp cứu. Bóng đèn đỏ ở phòng mổ thỉnh thoảng lại cháy lên, rồi tắt đi. Từng chập,

cửa phòng xích mở, những người mặc áo quần trắng, đội mũ trắng, nửa mặt mang khăn trắng đi ra, đi vào. Những chiếc băng-ca lên xuống thang máy. Những bộ mặt hốc hác, tái xanh như tàu lá chuối héo thêm thiếp trên những chiếc cang sắt. Tiếng một người bệnh bị mổ, thuốc mê chưa tan hết, đang la hét, vật vã đòi uống nước. Vài sản phụ rên rỉ, chống một tay vào tường, tay kia ôm lấy bụng, cổ nhin đau, chờ đẻ. Một người chồng đến đón vợ về. Anh ta hơn hở bế đứa con đỏ hồng trên tay, vui mừng như bắt được của. Cạnh đấy, một người chồng khác mắt đỏ hoe khi nghe bác sĩ cho biết rằng vợ ông ta bị mổ, vì ăn nhiều nước đá cục quá nên đã chết. Đằng kia, trước phòng mổ, một người đàn ông đang cầm trên tay một lọ máu vừa xin được trong nhà thương Chợ Rẫy, sẵn sàng để tiếp cho vợ anh cũng bị mổ. Anh ta nói chuyện với một cô y tá:

– Tôi sáu con rồi. Chuyển này xin bác sĩ buột buồng trứng lại đừng cho nhà tôi sinh nữa. Mình nghèo mà cứ đẻ mãi biết lấy gì mà nuôi cho nổi. Bỏ thì thương, vương thì nặng. Nuôi cho nó lớn

rồi cho nó đi ở đợ với người ta, tội nghiệp mình không nữa.

Hạnh nằm phòng số 13. Con số báo nguy nhưng xem ra bệnh tình Hạnh không mấy nguy kịch. Hạnh đã ăn được cháo và nằm ngủ yên.

Trở về bằng xe tắc-xi. Chiếc xe bốn ngựa đang còn mới nhưng bác tài thì lại mặc áo vá. Và đến hai ba miếng trên vai, sau lưng. Giữa thành phố xe cộ như mắc cửi, bác rú ga, đạp thắng, quặt tay phải, rẽ tay trái, mồ hôi nhễ nhại chỉ lo lỡ tông nhầm xe người ta thì không ngồi tù cũng bị bồi thường.

Một anh bán cà-rem đạp xe đạp vút qua. Cái thùng đựng hai phích cà-rem treo sau xe lắc lư, lắc lư. Có lẽ buổi sáng dậy sớm, anh đã nêm chặt hai cái phích trong thùng gỗ. Không nêm chặt, xe xóc, phích vỡ. Phích vỡ phải thường cho chủ. Vốn liếng đi đời. Vợ con lại nheo nhóc.

Một thiếu nữ, dáng chừng là tư chúc, người đẹp, diện đẹp nhưng lại đang đứng bên lề đường

chờ xe buýt. Xe đến. Cô lại hồi hả, tất tưởi, nhảy lên xe, chen vào trong đám người đang dán chặt vào nhau như cá hộp. Chiếm được một chỗ trên xe, xe chạy rồi cô mới mỉm một nụ cười, hết lo. Đẹp như thế ấy đáng lý phải ngồi trong một chiếc xe Bel Air, hay tắc-xi, hay xích lô. Nhưng cô đã đi xe cá hộp vì tư chức thì lương có giỏi lắm cũng chỉ mỗi tháng một ngàn là cùng. Một ngàn mà phải tiêu bao nhiêu thứ.

Ghé nhà in để biết tin anh Tư Lành vừa lỡ tay đánh đổ một lúc tám bát chữ. Lại trả chữ, lại sắp lại một lúc mười trang. Thế là mất toi một ngày lương dù một ngày lương Tư Lành chỉ có bốn chục.

Về đến đầu xóm gặp thằng Cu Bụng. Năng như đỏ lửa thế mà hần vẫn ở trần phơi cái bụng ỏng ra ngoài. Hần đang gạ bọn trẻ con trong xóm rút số.

– Rút số này, năm các một này.

Dừng lại hỏi:

– Ê, Cu Bụng! này giờ mày kiếm được bao nhiêu rồi mày?

Cu Bụng vuốt mớ tóc đỏ hoe, nhe hàm răng sún ra cười:

– Dạ được mười đồng thầy à!

– Mày lại lấy tiền ấy đánh bài chứ gì

Cu Bụng vênh mặt lên:

– Đâu có Thầy Hai, tôi phải đưa về cho má tôi chứ. Từ bữa dọn nhà qua bên cầu chữ Y, không quen ai, nên má tôi không có mồi gánh nước thuê. Tôi phải xoay nghề đi rút số để giúp má tôi chớ!

Cu Bụng bỏ xóm này đi từ hai tháng. Bây giờ hẳn trở lại, mua đồ bằng nhựa trong Chợ Lớn đem xí gạt bọn trẻ con quen cũ trong xóm bằng cách rút số kiếm lời.

Bích Hà,

Anh định viết tiếp cái truyện về một ánh nắng nhưng sao thấy khó viết quá. Những hình ảnh vừa tiếp nhận mới rồi cứ ám ảnh mãi không rời. Hạnh – Người đàn bà mỗ bị chết vì ăn nước đá – Cảnh nhà bảo sanh Những tiếng khóc, những bộ mặt. Bác tài tắc xi – Anh bán cà-rem – Cô thiếu nữ đi xe buýt – Anh thợ nhà in Tư Lành – Cu Bụng – Chị Mười gánh nước thuê.

Mỗi người một tâm sự, một cảnh sống. Ngay cả Cu Bụng nữa, hẳn cũng riêng mang một tâm sự.

Có ai thích đọc cái truyện « Về một ánh nắng » của mình không?

Thế là, năm này là năm thứ mười một rồi, cái truyện buổi trưa mùa Hạ đó vẫn lại không viết ra được.

TÔ KIỀU NGÂN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: Nguyễn Đăng –

Trường Giang –

Thanh Nam –

Hầu Anh

XÁC LÁ RỪNG THU thơ DIỄN NGHỊ

Những ấn loát phẩm được xuất bản hồi gần đây nếu phân loại chia hạng, thơ chiếm đa số. Hiện tượng dễ hiểu. Giữa tác giả và những đứa con tinh thần của mình, đứa con Thơ thường vẫn là đứa con đầu lòng. Cái việc thai nghén và sinh thành bao giờ cũng được gửi gắm nhiều yêu mê tha thiết hơn cả. Làm Thơ, in Thơ thành sách đều như lửa bốc. Hối hả, bùng bùng, để chậm để lâu không chịu được. Đã gần thành định luật cho một quá trình sáng tác: khởi đầu làm thơ rồi viết chuyện ngắn truyện dài và cuối cùng viết kịch. Mặt khác, thơ tương đối dễ làm hơn viết văn. Nhưng mặt này, điều nhận định không còn đơn

giản nữa. Làm thơ dễ. Nhưng cũng là cái dễ của Hội Họa. Cocteau nói: vẽ dễ nhất nhưng vẽ hay khó nhất. Nhận xét nhỏ này đúng cho Họa và đúng cả cho Thơ.

Tôi tưởng chỉ thấy cái dễ dàng của một tập thơ đầu tay trong Xác Lá Rừng Thu của Diên Nghị. Tôi đã ngạc nhiên. Xác lá Rừng Thu qua lối trình bày trang nhã (tuy nền màu xanh hơi xẫm nên tức mắt) thể hiện đầy đủ sự và vuốt nâng niu của tác giả với tác phẩm, là một công trình sáng tác sửa soạn hết sức trang trọng công phu. Lĩnh vực thơ Diên Nghị khá rộng. Đúng là một khoảng rừng. Nhưng cũng lại đầy những « xác lá », vì buồn. Nhiều chỗ nhịp thơ bảy chữ đang trầm hùng bỗng vương vất một không khí buốt lạnh. Tôi liên tưởng đến Mây của Vũ Hoàng Chương. Tôi nghĩ đến một chiều mưa núi. Ở Đà Lạt, ở Ban Mê Thuột. Thơ Diên Nghị là cao nguyên hoang vu, là mưa đổ khi chiều xuống. Tầm mắt Diên Nghị đắm chìm triền miên trong một biển rừng dằng dặc – nếu không lam chướng – thì cũng ớn lạnh u uất. Rừng, cái thế giới tâm linh của Diên Nghị, tôi nhìn thấy rõ rệt: Suối tím khép mắt. Những

ngọn cây khói trắng. Lối đi nhỏ buồn như hồn mùa. Lá rụng không ngừng. Những bóng hình rũ rượi. Lạnh bên trong, lạnh bên ngoài.. Ngay cả ở những bài thơ chiến đấu, câu ngắn đặc và nhịp thơ đi gấp gấp sôi nổi, cái bóng dáng lê thê màu xám vẫn kéo qua như một bóng mây giữa ngày nắng lớn. Tôi nghĩ tâm hồn Diên Nghị buồn. Buồn là đặc tính thơ Diên Nghị. Thay đổi cũng chẳng được. Mà thay đổi để làm gì? Buồn không phải là một tội ác phải kiểm thảo. Tâm hồn mình làm sao thì cứ việc khai thác tới hết tới cùng. Một cách nói khác của sự thành thực trong nghệ thuật. Đằng này, tôi có cảm tưởng Diên Nghị đã muốn cưỡng lại. Tiếng hát nụ cười của cuộc sống dưới kia gây cho Diên Nghị ý tưởng chống lại cả hồn mình. Tinh thần trách nhiệm ở đây rất đáng khen ngợi, vì là một thiện chí. Nhưng chính bởi thế mà tôi chắc chắn rằng *Xác Lá Rừng Thu* chưa xuống tới được những đáy rung động sâu kín nhất của anh. Diên Nghị đã tìm một khoảng đất để dung hòa. Cho nội dung và cho cả hình thức nữa. Tự do, phá thể, đường luật, đủ cả. Kết quả: mất tính chất độc đáo.

Không phải là một sáo ngữ cho một bài phê bình nhưng thực là tôi đang chờ đợi hết lòng một thi phẩm thứ hai của Diên Nghị. Trường hợp của Diên Nghị phải có một thi phẩm nữa mới xác định được, cho tất cả: Chỗ đứng của Diên Nghị. Nghệ thuật và tác dụng của thơ anh đối với chúng ta.

Ở *Xác Lá Rừng Thu* tôi vui mừng ghi một điểm này: Diên Nghị bước vào thế giới thơ với một tâm hồn thành khẩn và một thái độ trang trọng. Thái độ của người đứng thành kính, thấp những nén hương, thành kính vào Đền.

Bao nhiêu người đã coi nghệ thuật như một trò đùa, làm nghệ thuật như đi coi chớp bóng. *Xác Lá Rừng Thu* giới thiệu với chúng ta một người thơ đứng đắn. Với sự cố gắng và niềm băn khoăn muốn làm chủ được những vần thơ cao đẹp. Chúng ta mến *Xác Lá Rừng Thu* vì cái ý thức nghệ thuật ấy của tác giả, mà sự thành công theo ý tôi, không phải ở địa hạt thơ Đường mà ở địa hạt của ca dao.

NGUYỄN ĐĂNG

TRANH ÁP PHÍCH VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG

*T*ại Ba Lê, hàng năm hãng Martini có đặt nhiều giải thưởng lớn về áp phích và được rất nhiều các họa sĩ tham dự.

Lần này, trong số 18 họa sĩ được chọn lựa lần cuối cùng ban giám khảo chấm nhất bức « Du lịch đất Pháp » của Jean Delluègue và bức « Martini » của Jubert. Mỗi họa sĩ được lãnh một giải thưởng là 500.000 quan. Như các kỳ trước tất cả các áp phích dự thi đều triển lãm ở phòng bày tranh Marcel Bernheim để công chúng thưởng ngoạn.

CHUNG QUANH CUỘC ĐỜI VAN GOGH

Những người yêu văn nghệ tại Saigon hẳn đã đi xem phim « Cuộc đời họa sĩ Van Gogh, và cũng biết sơ qua về tiểu sử nhà danh họa này.

Mới đây, trong cuốn sách mới xuất bản tại Pháp « Sự bí mật của Van Gogh ». Pierre Marois đã lại mang cuộc đời của Van Gogh ra nghiên cứu, phân tách. Căn cứ vào những tài liệu thư từ, Marois cho rằng vì Théo là em của nhà họa sĩ lấy vợ nên cuộc sống và tâm tình cũng có thay đổi, vì thế đã làm Van Gogh mất tin tưởng đến độ cuối cùng: tìm đến cái chết.

Với nhiều chứng cứ, tài liệu đặc biệt Marois cho biết Van Gogh không phải vì điên cuồng mà chỉ tuyệt vọng sau khi Théo đẻ thêm một đứa con nên chàng tự tử. Do đó nêu một giả thuyết: có phải Théo đã vô tình giết anh?

Trong cuốn « Hai anh em Van Gogh », L. Rocland cũng nêu lên câu hỏi đó một cách tàn nhẫn hơn. Theo những tài liệu mà Rocland thu thập được thì Théo chỉ giúp anh vì bốn phận huynh đệ hơn là vì tình nghĩa ruột thịt. Hơn nữa Théo lại không tin tưởng vào anh mình có thiên tài có thể nổi danh mai sau. Cho nên Van Gogh tuyệt vọng mà tự tử.

Đây là những vết đen lớn trong câu chuyện anh em nhà Van Gogh mà từ xưa người ta vẫn cho là cao đẹp ấy.

TRIỂN LÃM PICASSO

7háng tư vừa rồi Picasso lại vừa làm một cuộc triển lãm ở « Galerie Louise Leiris » gồm những tấm tranh sơn mới nhất (1955 – 56) Picasso đã làm chấn động dư luận nghệ thuật bằng một lối vẽ mới nữa.

Nhiều nhà phê bình, kêu lên trên mặt báo: Tới 75 tuổi Picasso khám phá ra Matisse.

Họ căn cứ vào những bức tranh dùng nhiều màu nhẹ bằng những đường sơn rất mỏng và hoạt mà tuyên bố như vậy.

Riêng Picasso chỉ cười không đáp.

Claude Roger Marx cũng vừa viết một bài báo gọi Picasso là vị thiên thần có 100 cánh tay.

Ngoài ra còn một cuộc triển lãm nữa gồm nhiều bức chọn lọc lấy tên là « 60 năm lịch sử qua một con người » hay « Picasso chính hắn ».

Đó là những bức tranh mượn ở các bộ sưu tập và các nhà bảo tàng trên thế giới.

Theo lời yêu cầu của các nhà trí thức tại quê hương ông (Tây Ban Nha) Picasso sẽ còn trưng bày hai lần tại Madrid và Barcelone.

Người ta cho rằng chỉ trong vòng 3 tháng nữa sẽ thực hiện được và sẽ bày cả tác phẩm Guernica (1937) dài 7 thước cao 3 thước rưỡi tả về những sự kinh khủng của chiến tranh và được tác giả thú lắm.

TRƯỜNG GIANG

MỘT Ý KIẾN VỀ: U HOÀI CỦA QUỐC SỸ

Sau cuốn *Sợ lửa*, Quốc Sỹ lại vừa gửi tới chúng ta một tập truyện ngắn thứ hai mang một cái tên đẹp như thơ: *U Hoài*. Ở *Sợ lửa*, người ta nhìn Quốc Sỹ như nhìn một người khách lạ nhưng trong *U Hoài* thì trái lại, Quốc Sỹ đã đến gần với người đọc hơn. Người đọc *U Hoài* không thể bình thản như khi đọc *Sợ lửa*. Cũng chỉ là một chuyện tình như nhiều chuyện tình khác nhưng *U Hoài* đã làm cho người đọc phải suy nghĩ.

Nỗi buồn rộng lớn, mệnh mang của anh chàng Huy (vai chính trong truyện) tuy đã được tác giả thanh toán ở những trang cuối song niềm u hoài mà tác giả đưa ra, không phải đã hết ngay khi câu chuyện chấm dứt. Sự thanh toán quá dễ dãi kia đã không làm vừa lòng người đọc. Quốc

Sỹ đã vội vã thay đổi cho tình cảm của nhân vật như ở cuộc đời người ta thay một chiếc áo, dù xa Quốc Sỹ đã cố vớt lại bằng một ý nghĩ hết sức « trung, hiếu, tiết, nghĩa » của Huy:

– Chàng không quên dĩ vãng nhưng chàng phải sống với hiện tại và có bốn phận với tương lai.

Người ta nhận thấy ngay cái hành động của Huy là một hành động gương gạo và cốt chuyện của Quốc Sỹ bị yếu từ lúc đó.

Bởi vì khi đầu, tình cảm của anh chàng Huy phức tạp bao nhiêu, tế nhị bao nhiêu thì càng về sau anh ta càng hấp tấp và nông nổi bấy nhiêu. Người ta chờ đợi ở Huy, từ sau khi người yêu chết, một hành động nào xứng đáng nhưng tác giả đã muốn là niềm u hoài thường có khuynh lắng đọng nên đã cho mỗi tình đầu kia chìm luôn để cho vai chính tiếp nhận cuộc sống mới một cách hoan hỉ như chưa bao giờ bị một mối u hoài nào dằn vặt, day dứt. Tác giả cho Huy yêu chị

164 | Sáng Tạo số 8 _ 05.1957

(Khanh) một cách sôi nổi rồi lại cho anh ta yêu Ngọc (em) một cách nồng nàn.

Và:

– Thế là tác phẩm U Hoài của Huy không sao thực hiện được nữa.

Tôi thấy câu nói đó hơi bất nhân. Bởi vì, tôi đã tưởng ngay từ đầu rằng mối sầu của Huy lớn quá nhưng, tôi đã thất vọng.

Tuy nhiên, đó chỉ là ý nghĩ riêng của tôi, một người viết tiểu thuyết chứ không phải là nhà phê bình. Và dù sao, cái quyền thao túng tình cảm nhân vật vẫn là quyền của tác giả.

Về những truyện sau: Khu vườn dân tộc, Chàng nhạc sĩ và Tiếng địch quê hương thì ngoài truyện Khu vườn dân tộc bị vướng vào sự nhạt nhẽo, gượng ép hai truyện kia đều hấp dẫn người đọc. Điều nên nói sau hết là Quốc Sỹ có một lối hành văn sáng sủa, duyên dáng và nhẹ nhàng.

THANH NAM

NHÀ VĂN HERVÉ BAZIN VÀ MỘT TRIỆU QUAN

Giải thưởng văn chương thứ 7 của thành Monaco lấy tên là Hoàng Tử Rainier III trị giá một triệu quan vừa được tặng cho Hervé Bazin năm nay 46 tuổi, với toàn thể tác phẩm ông.

Những cuốn tiểu thuyết chính của Bazin đã xuất bản là: *La Mort du petit cheval*, *La tête contre les murs*, *L'huile sur le feu*. Cuốn *Vipère au point* xuất bản năm 1948 làm xôn xao dư luận về đề tài lại: sự căm thù của người con với người mẹ. Tập sách cuối cùng của Bazin là *Qui j'ose aimer* vừa in tới 100.000 cuốn.

Khi biết tin mình được thưởng, Bazin đã đáp phi cơ đi Monaco để nhận tấm ngân phiếu do chính Rainier trao tặng.

Georges Duhamel nói về Bazin: Hắn là một văn sĩ có nòi và là một tiểu thuyết gia chính cống. Những lần trước giải Rainier đã về tay các nhà văn Julien Green, Henri Troyat, Jean Giono, Jules Roy, Louise de Vilmorin và Marcel Brion.

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH LẦN THỨ 18 TẠI VENISE

Đại hội điện ảnh lần thứ 18 tại Venise vừa được ban tổ chức loan báo sẽ bắt đầu vào ngày 25-8 cho tới 8-9 năm nay.

Trong số phim gửi đến sẽ được chọn 10 cuốn và phải là một bước tiến dài của lịch sử điện ảnh và phải đánh dấu một vượt bậc đáng kể mới hy vọng.

HẦU ANH

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TRONG NHỮNG SỐ TRƯỚC:

LÊ VĂN SIÊU: Quán cháo Lú. Thử định nghĩa văn hóa — NGUYỄN SA: Thơ Kiến thức rộng và chuyên môn. Cái chết của người thi sĩ — DOÃN QUỐC SỸ: Dân tộc tính trong ca dao Việt Nam. Chiếc chiếu hoa cạp điều — MẶC ĐỖ: Công việc dịch văn — VŨ KHẮC KHOAN: Ba người bạn. Sân khấu và vốn đề xây dựng con người — THANH NAM: Người trong tranh — NGUYỄN SỸ TẾ: Nguyễn Du. Nguyễn công Trứ. Thần trí và hồn thơ dân Việt. Khuynh hướng siêu thoát trong văn học Việt Nam. Trần Tế Xương — NGƯỜI SÔNG THƯƠNG: Thơ — MAI THẢO: Những ngón tay bắt được của Trời — TRẦN THANH HIỆP: Đề giải quyết mâu thuẫn trong đoạn trường Tân Thanh — TÔ KIỀU NGÂN: Mùa xuân nhớ người. Khảo về hò Huế.

TRONG NHỮNG SỐ TÔI:

THANH TÂM TUYỀN: Phòng thí nghiệm trên bãi cỏ — DUY THANH: Giấc ngủ. Cái đẹp và xấu ở nghệ thuật — MAI THẢO: Các anh các chị — MẶC ĐỖ: Một nhân vật mới trong tiểu thuyết Âu-Mỹ. Đôi mắt có đuôi — TRẦN THANH HIỆP: Nguồn rung cảm trong văn nghệ Ấn Độ — DOÃN QUỐC SỸ: Gìn vàng giữ ngọc — NGUYỄN SỸ TẾ: Tâm hồn người Việt. Thơ nôm đời Hồng Đức.

HỘP THƯ SÁNG TẠO

— Các bạn Ngọc Bạch, Hy-Vân KBC 4504, Cỏ Tím, Hà Châu Linh, CAP., Nhân Tâm Việt, Trần Trúc Sơn, Kiều Thệ Thủy, Hoàng Văn Khải (Paris), M.T., Hoàn Vũ, Bình Trị Thiên, Tiên Tiến, Việt Trường Giang: Đã nhận được thơ và văn. Rất tiếc không đăng được. Thân ái.

— Cô Cẩm Tâm: Đã nhận được thơ. Đang xem. Cô có thể gửi thư cho Tạ Tỵ và Thanh Tâm Tuyền về Tòa Soạn. Chúng tôi sẽ chuyển.

— Em Nguyễn Trường Anh: Nhận được thư. Cảm ơn. Sẽ trả lời sau.

— Đoàn Phương: Thơ và Văn Nghệ Nước Ngoài đã nhận đủ. Muốn gấp nên lại vào buổi sáng thì hơn.

— Trần Duy Hình: Nhận được đủ cả. Bạn nên chưa kịp trả lời đây thôi. Nghỉ phép nhớ ghé qua Tòa Soạn.

— Ô. Phạm văn Thiện: Không thể hỏi giúp ông được. Xin hỏi ở các báo khác. Mục Mách Giúp Bảo Giùm ở nhật báo Ngôn Luận chẳng hạn.

— Trần Thơ: Hẹn sẽ xuống thăm T.N. Đã chuyển thư em cho T.T.T. để trả lời.

— Cung Tiến (Sydney): Hai bài thơ sẽ đăng vào Tuyển Tập Mùa Hạ. Có sáng tác mới cứ gửi tiếp. T.T.T. đã nhận được thư. Giao toàn quyền phổ nhạc.

— Ô. Đỗ Hữu Tùng: S.T. đóng thành tập sẽ phát hành ở Huế từ mùng 10 tháng này. Gửi đủ tiền tem, sẽ gửi những số báo thiếu.

